

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Trần Thị Mai Linh
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Phạm Văn Tường

HẢI PHÒNG – 2019

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ
PHẦN MAY XUẤT KHẨU VIỆT THÁI**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN-KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Trần Thị Mai Linh
Giảng viên hướng dẫn: ThS.Phạm Văn Tường**

HẢI PHÒNG – 2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên : Trần Thị Mai Linh

Mã SV : 1412401223

Lớp : QT1801K

Ngành : Kế toán - kiểm toán

Tên đề tài : Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định
kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần may xuất khẩu
Việt Thái.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.
 - Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần may xuất khẩu Việt Thái.
 - Một số biện pháp và kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần may xuất khẩu Việt Thái.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
Sử dụng số liệu năm 2017
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.
Công ty Cổ phần may xuất khẩu Việt Thái.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Phạm Văn Tường

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Khoa Quản trị kinh doanh trường đại học dân lập
Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần may xuất khẩu Việt Thái.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2019

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: Phạm Văn Tường
Đơn vị công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng
Họ và tên sinh viên: Trần Thị Mai Linh Chuyên ngành: Kế toán kiểm toán
Đề tài tốt nghiệp: Hoàn thiện công tác kế toán, doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần may xuất khẩu Việt Thái
Nội dung hướng dẫn: Khóa luận tốt nghiệp

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

- Thái độ nghiêm túc, ham học hỏi, có nhiều cố gắng, nỗ lực trong quá trình nghiên cứu và làm đề tài tốt nghiệp. Trách nhiệm cao, chịu khó, có tinh thần cầu thị, khiêm tốn, nghiêm túc trong học tập, nghiên cứu.
- Thường xuyên liên hệ với giảng viên hướng dẫn để trao đổi và xin ý kiến về các nội dung trong đề tài. Tiếp thu nhanh, vận dụng tốt lý thuyết với thực tiễn làm cho bài viết thêm sinh động
- Đảm bảo đúng tiến độ thời gian theo quy định của Nhà trường và Khoa trong quá trình làm tốt nghiệp.

2. Đánh giá chất lượng của đồ án/khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

- Khóa luận tốt nghiệp được chia thành ba chương có bố cục và kết cấu cân đối, hợp lý.
- Mục tiêu, nội dung và kết quả nghiên cứu rõ ràng. Tác giả đề tài đã nêu bật được các vấn đề cơ sở lý luận và thực tiễn công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần may xuất khẩu Việt Thái.
- Các giải pháp về hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh mà tác giả đề xuất có tính khả thi và có thể áp dụng được tại doanh nghiệp.

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ

Không được bảo vệ

Điểm hướng dẫn

Hải Phòng, ngày 04 tháng 01 năm 2019

Giảng viên hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Văn Tường

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1 LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	2
1.1 Doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh	2
1.1.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong doanh nghiệp.....	2
1.1.1.1 Khái niệm.....	2
1.1.1.2 Các loại doanh thu, các phương thức bán hàng và thời điểm ghi nhận doanh thu:.....	2
1.1.1.3 Các yếu tố làm giảm doanh thu của doanh nghiệp:.....	3
1.1.2 Chi phí của doanh nghiệp	4
1.1.2.1 Khái niệm.....	4
1.1.2.2 Các loại chi phí	4
1.1.3 Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.....	6
1.2. Vai trò và nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh .	7
1.3.Lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	9
1.3.1 Tổ chức kế toán doanh thu	9
1.3.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	9
1.3.1.2.Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	11
1.3.1.3.Kế toán thu nhập khác	13
1.3.2. Tổ chức kế toán chi phí của doanh nghiệp	15
1.3.2.1.Kế toán giá vốn hàng bán.....	15
1.3.2.2.Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	22
1.3.2.3.Kế toán chi phí tài chính.....	24
1.3.2.3.Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	26
1.3.2.4.Kế toán chi phí khác	28
1.3.2.5.Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	30
1.4.Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo các hình thức kế toán.....	35
1.4.1.Hình thức kế toán Nhật ký chung	35
1.4. 2.Hình thức kế toán Nhật ký- Sổ cái.....	36
1.4.3.Hình thức nhật ký chứng từ ghi sổ.....	37
1.4.4.Hình thức kế toán máy	38
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU VIỆT THÁI	39
2.1 TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU VIỆT THÁI.....	39
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển	39

2.1.2	Đặc điểm tổ chức quản lý của công ty	40
2.1.3.	Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán.	42
2.1.4.	Chức năng, nhiệm vụ của công ty.....	44
2.1.4.1.	Chức năng.....	44
2.1.4.2.	Nhiệm vụ.....	45
2.1.5	Hình thức kế toán, chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty cổ phần may xuất khẩu Việt Thái	45
2.1.5.1.	Chế độ và chính sách kế toán	45
2.1.5.2.	Hình thức kế toán tại công ty	46
2.2.	Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần may xuất khẩu Việt Thái.	47
2.2.1.	Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty	47
2.2.2	Kế toán giá vốn	55
2.2.3.	Chi phí quản lý kinh doanh tại công ty Cổ phần may xuất khẩu Việt Thái.....	62
2.2.4.	Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại công ty.....	69
2.2.4.1.	Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	69
2.2.4.2	Kế toán chi phí tài chính	74
2.2.5.	Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	78
2.2.6.	Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	78
CHƯƠNG 3 MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU VIỆT THÁI		88
3.1	Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần may xuất khẩu Việt Thái	88
3.1.1	Ưu điểm.....	88
3.1.2	Nhược điểm.....	89
3.2	Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần may xuất khẩu Việt Thái	90
3.2.1	Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	90
3.2.1.	Điều kiện thực hiện các biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.....	90
3.2.2	Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.....	91
KẾT LUẬN		97

LỜI MỞ ĐẦU

Hiện nay nền kinh tế Việt Nam đang ngày càng hội nhập với nền kinh tế thế giới với những bước chuyển mình rõ rệt. Cứ mỗi năm nước ta lại có thêm nhiều doanh nghiệp mới đi vào hoạt động với nhiều loại hình và những lĩnh vực kinh doanh đa dạng. Bài toán đặt ra cho các doanh nghiệp là làm sao chiếm được nhiều thị phần, làm sao thu được lợi nhuận cao nhất mà chi phí bỏ ra là thấp nhất.

Để thực hiện điều này, một trong những công việc mà các doanh nghiệp cần phải làm đó là tổ chức tốt công tác hạch toán kế toán. Vì đó là một trong những yếu tố quan trọng trong quản lý quyết định đến kết quả kinh doanh của một doanh nghiệp, có quản lý tốt công tác hạch toán kế toán.

Sau thời gian tìm hiểu thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như bộ máy quản lý của công ty em nhận thấy kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty Cổ phần may xuất khẩu Việt Thái. nói riêng là bộ phận quan trọng trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, nên luôn luôn đòi hỏi phải được hoàn thiện, phải có sự quan tâm, nghiên cứu nhằm đưa ra một phương pháp thống nhất, khoa học trong công tác hạch toán kế toán vì vậy em quyết định đi sâu vào nghiên cứu công tác kế toán của công ty với đề tài: “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần may xuất khẩu Việt Thái”.

Nội dung khoá luận ngoài mở đầu và kết luận được kết cấu làm 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chương 2: Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần may xuất khẩu Việt Thái.

Chương 3: Một số biện pháp và kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần may xuất khẩu Việt Thái.

CHƯƠNG 1**LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ****1.1 Doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh****1.1.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong doanh nghiệp****1.1.1.1 Khái niệm**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ phát triển doanh thu như bán sản phẩm hàng hoá, cung cấp dịch vụ cho khách hàng. Ở các doanh nghiệp áp dụng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ không bao gồm thuế GTGT, còn ở các doanh nghiệp áp dụng phương pháp tính thuế trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trị thanh toán của số hàng đã bán và dịch vụ đã được thực hiện.

1.1.1.2 Các loại doanh thu, các phương thức bán hàng và thời điểm ghi nhận doanh thu:**a, Các loại doanh thu:******/Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***

-Doanh thu bán hàng hoá: Là doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng hàng hoá được xác định là bán trong kỳ kế toán của doanh nghiệp

- Doanh thu bán các thành phẩm: Là doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm(Thành phẩm, bán thành phẩm) được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ: Là doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng dịch vụ đã hoàn thành, đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp.

- Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư: Là doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư và doanh thu bán, thanh lý bất động sản đầu tư.

- Doanh thu trợ cấp, trợ giá: Là các khoản doanh thu từ trợ cấp, trợ giá của nhà nước khi doanh nghiệp thực hiện các nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hoá dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước.

****/ Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu về các hoạt động tài chính bao gồm những khoản thu do hoạt động đầu tư tài chính hoặc kinh doanh về vốn mang lại như: tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, khoản lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

***/ Thu nhập khác**

Thu nhập khác là những khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có dự tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện, hoặc là những khoản không mang tính chất thường xuyên như: doanh thu về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, giá trị các vật tư, tài sản thừa trong sản xuất; các khoản nợ vãng chủ hay nợ không ai đòi, hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, nợ khó đòi, tiền được phạt, thu chuyển quyền sở hữu trí tuệ.

b, Thời điểm ghi nhận doanh thu

Khi hàng được xác định đã tiêu thụ, thời điểm đó được quy định như sau:

- Với phương thức bán buôn qua kho, bán buôn vận chuyển thẳng theo hình thức chuyển hàng thì thời điểm xác nhận tiêu thụ là bên bán đã chuyển hàng đến địa điểm bên mua; bên bán đã thu được tiền hàng hoặc bên mua nhận nợ.

- Với phương thức bán hàng đại lý ký gửi, khi người đại lý ký gửi thanh toán tiền hàng hoặc chấp nhận thanh toán hoặc họ thông báo hàng đã bán được.

- Với phương thức bán buôn qua kho, bán buôn vận chuyển thẳng theo hình thức giao hàng trực tiếp thì thời điểm đã tiêu thụ là bên mua đã ký nhận đủ hàng; bên mua đã thanh toán tiền hàng hoặc nhận nợ.

1.1.1.3 Các yếu tố làm giảm doanh thu của doanh nghiệp:

Trong điều kiện kinh doanh hiện nay, để đẩy mạnh bán hàng, thu hồi nhanh chóng tiền hàng doanh nghiệp cần có chế độ khuyến khích đối với khách hàng, nếu khách hàng mua với khối lượng lớn sẽ được doanh thu chiết khấu, còn nếu hàng kém phẩm chất thì khách hàng có thể chấp nhận thanh toán hoặc yêu cầu doanh nghiệp giảm giá

Tổng số doanh thu bán hàng sau khi trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu gọi là doanh thu thuần

- Chiết khấu thương mại: Là số tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua do mua hàng hoá, dịch vụ với khối lượng lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua bán hàng.

- Hàng bán bị trả lại: Là số hàng đã được coi là tiêu thụ (đã chuyển quyền sở hữu, đã thu tiền hay được người chấp nhận trả tiền) nhưng lại bị người mua từ chối và trả lại do người bán không tôn trọng hợp đồng kinh tế đã ký kết như: Không phù hợp với yêu cầu, tiêu chuẩn quy cách kỹ thuật, hàng kém phẩm chất, không đúng chủng loại.

- Giảm giá hàng bán: Là số tiền giảm trừ cho khách hàng ngoài hoá đơn hay hợp đồng cung cấp dịch vụ do các nguyên nhân đặc biệt như hàng kém phẩm chất, không đúng quy cách, giao hàng không đúng thời gian, địa điểm trong hợp đồng...(do chủ quan doanh nghiệp).

- Thuế tiêu thụ đặc biệt: Được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu các mặt hàng, dịch vụ mà Nhà nước không khuyến khích sản xuất và hạn chế tiêu thụ như rượu, bia, thuốc lá...

- Thuế xuất khẩu: Được đánh vào tất cả các mặt hàng, dịch vụ trao đổi với nước ngoài, khi xuất khẩu ra khỏi biên giới Việt Nam. Doanh nghiệp trực tiếp xuất khẩu hoặc uỷ thác xuất khẩu thì phải nộp thuế này

<i>Doanh</i>	<i>DT</i>	<i>Chiết</i>	<i>DT BH</i>	<i>Giảm</i>	<i>Thuế TTĐB,</i>
<i>thu BH</i>	<i>= bán</i>	<i>- khấu</i>	<i>- bị trả</i>	<i>giá</i>	<i>thuế XK phải</i>
<i>thuần</i>	<i>hàng</i>	<i>TM</i>	<i>lại</i>	<i>hàng</i>	<i>nộp, thuế GTGT</i>
				<i>bán</i>	<i>trực tiếp</i>

1.1.2 Chi phí của doanh nghiệp

1.1.2.1 Khái niệm

Chi phí là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các hao phí về lao động sống và lao động vật hoá mà các doanh nghiệp đã bỏ ra tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong một kỳ kế toán nhất định.

1.1.2.2 Các loại chi phí

Giá vốn hàng bán: Là giá trị giá vốn của sản phẩm, vật tư, hàng hoá lao vụ, dịch vụ tiêu thụ là giá thành sản xuất hay chi phí sản xuất. Với vật tư tiêu thụ, giá vốn là giá trị ghi sổ, còn với hàng hoá tiêu thụ, giá vốn bao gồm trị giá mua của hàng hoá tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ cho hàng tiêu thụ.

Chi phí quản lý kinh doanh: Là những khoản chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra có liên quan đến hoạt động tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, lao vụ, dịch vụ trong kỳ, khoản chi phí phát sinh có liên quan đến toàn bộ hoạt động của cả doanh nghiệp mà không tách riêng ra cho bất kỳ hoạt động nào. Chi phí quản lý kinh doanh bao gồm :

+ Chi phí nhân viên: phản ánh các khoản phải trả cho nhân viên bán hàng, nhân viên đóng gói, vận chuyển, bảo quản sản phẩm, hàng hóa...bao gồm tiền lương, tiền ăn ca, tiền công và các khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn...

+ Chi phí vật liệu bao bì: phản ánh các chi phí vật liệu, bao bì xuất dùng cho việc giữ gìn, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ như chi phí vật liệu đóng

gói sản phẩm, hàng hóa, chi phí vật liệu, nhiên liệu dùng cho bảo quản, bốc vác, vận chuyển sản phẩm, hàng hóa trong quá trình tiêu thụ, vật liệu dùng cho sửa chữa bảo quản tài sản cố định... dùng cho bộ phận bán hàng.

+ Chi phí dụng cụ, đồ dùng: phản ánh chi phí về công cụ, dụng cụ phục vụ cho quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa như dụng cụ đo lường, phương tiện tính toán, phương tiện làm việc...

+ Chi phí khấu hao tài sản cố định: phản ánh chi phí khấu hao tài sản cố định ở bộ phận bán hàng, bảo quản như: nhà kho, cửa hàng, bến bãi, phương tiện vận chuyển, bốc dỡ, phương tiện tính toán, đo lường, kiểm nghiệm chất lượng...

+ Chi phí bảo hành sản phẩm: phản ánh các khoản chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa. Riêng chi phí sửa chữa, bảo hành công trình xây lắp được phản ánh vào chi phí sản xuất chung, không phản ánh vào chi phí bán hàng.

+ Chi phí dịch vụ mua ngoài: phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho bán hàng như chi phí thuê ngoài sửa chữa tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho khâu bán hàng, tiền thuê kho, thuê bãi, tiền thuê bốc vác, vận chuyển sản phẩm, hàng hóa đi bán, tiền trả hoa hồng cho đại lý bán hàng, cho đơn vị nhận ủy thác xuất khẩu...

+ Chi phí bằng tiền khác: phản ánh các chi phí bằng tiền khác phát sinh trong khâu bán hàng ngoài các chi phí đã nêu trên như chi phí tiếp khách ở bộ phận bán hàng, chi phí giới thiệu sản phẩm, hàng hóa, quảng cáo, chào hàng, chi phí hội nghị khách hàng...

+ Chi phí nhân viên quản lý: phản ánh các khoản phải trả cho cán bộ công nhân viên quản lý doanh nghiệp như tiền lương, các khoản phụ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn...

+ Chi phí vật liệu quản lý: phản ánh chi phí vật liệu xuất dùng cho công tác quản lý doanh nghiệp như văn phòng phẩm, vật liệu sử dụng cho việc sửa chữa TSCĐ, công cụ, dụng cụ... (giá có thuế hoặc không có thuế GTGT)

+ Chi phí khấu hao TSCĐ: phản ánh chi phí khấu hao TSCĐ dùng trong doanh nghiệp như: nhà cửa làm việc của các phòng ban, kho tàng, vật kiến trúc, phương tiện vận tải, truyền dẫn, máy móc thiết bị quản lý dùng cho văn phòng....

+ Chi phí đồ dùng văn phòng: phản ánh chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng cho công tác quản lý (giá có thuế hoặc chưa có thuế GTGT).

+ Thuế, phí và lệ phí: phản ánh chi phí về thuế, phí và lệ phí như: thuế môn bài, thuế đất, tiền thuê đất và các khoản phí, lệ phí khác.

+ Chi phí dự phòng: phản ánh các khoản dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

+ Chi phí dịch vụ mua ngoài: phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp, các khoản chi mua và sử dụng các tài liệu kỹ thuật, bằng sáng chế...(không đủ tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ) được tính theo phương pháp phân bổ dần vào chi phí quản lý doanh nghiệp, tiền thuê TSCĐ, chi phí trả cho nhà thầu phụ.

+ Chi phí bằng tiền khác: phản ánh các chi phí khác thuộc quản lý chung của doanh nghiệp, ngoài các chi phí đã nêu trên như chi phí hội nghị tiếp khách, công tác phí, tàu xe, khoản chi cho lao động nữ...

Chi phí hoạt động tài chính: Là các khoản chi phí liên quan đến các hoạt động hoặc chi phí các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết...

Chi phí khác: Là các chi phí và các khoản lỗ do các sự kiện hay nghiệp vụ bất thường mà doanh nghiệp không thể dự kiến trước được như: chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ, tiền phạt do vi phạm hợp đồng, các khoản phạt, truy thu thuế,...

Chi phí thuế TNDN: Thuế TNDN là loại thuế trực thu, đánh trực tiếp vào thu nhập chịu thuế của cơ sở sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ sau khi đã trừ đi các khoản chi phí liên quan đến việc tạo ra doanh thu và thu nhập chịu thuế của cơ sở sản xuất, kinh doanh.

Căn cứ tính thuế TNDN là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế TNDN.

Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác.

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất thuế TNDN

1.1.3 Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

* *Khái niệm:* Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ kết quả của hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác mà doanh nghiệp tiến hành trong kỳ

Kết quả này được xác định bằng cách so sánh giữa một bên là doanh thu

thuần về bán hàng, cung cấp dịch vụ, kinh doanh bất động sản đầu tư với một bên là các chi phí liên quan đến sản phẩm đầu tư đã tiêu thụ trong kỳ (giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư,...)

** Ý nghĩa, tác dụng của việc xác định kết quả kinh doanh*

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển đều phải hoạt động theo quy tắc “lấy thu bù chi và có lãi”. Lãi là chỉ tiêu chất lượng tổng hợp quan trọng của các doanh nghiệp, nó thể hiện kết quả kinh doanh và chất lượng hoạt động của doanh nghiệp. Xác định kết quả kinh doanh và việc so sánh doanh thu thu được với chi phí thì doanh nghiệp sẽ biết được mình kinh doanh lãi hay lỗ.

Với việc xác định kết quả kinh doanh là cơ sở xác định các chỉ tiêu kinh tế tài chính, đánh giá tình hình của doanh nghiệp: Xác định số vòng luân chuyển vốn, xác định tỷ suất lợi nhuận trên doanh nghiệp... Ngoài ra nó còn là cơ sở để xác định nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với Nhà nước, xác định cơ cấu phân chia và sử dụng hợp lý, hiệu quả số lợi nhuận thu được, giải quyết hài hòa giữa các lợi ích kinh tế Nhà nước, tập thể và cá nhân người lao động.

Kết quả kinh doanh là mục đích cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp, là một chỉ tiêu kinh tế quan trọng không chỉ cần thiết cho doanh nghiệp mà còn cần thiết cho các đối tượng khác cần quan tâm như các nhà đầu tư, ngân hàng, người lao động, nhà quản lý...

1.2. Vai trò và nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh

**Vai trò:*

-Từ số liệu do kế toán bán hàng cung cấp, Nhà nước sẽ thực hiện việc kiểm tra giám sát tình hình kinh doanh của các doanh nghiệp từ đó đưa ra các công cụ, các chính sách thích hợp nhằm thực hiện các kế hoạch, đường lối phát triển nhanh chóng và toàn diện nền kinh tế quốc dân

-Các nhà kinh doanh, nhà cung cấp, nhà đầu tư... sẽ dựa vào đó để nắm bắt được tình hình kinh doanh của doanh nghiệp phục vụ cho việc đưa ra các quyết định kinh doanh của mình. Ví dụ như có nên tiếp tục quan hệ làm ăn với doanh nghiệp hay không, có nên cho vay hay đầu tư vào doanh nghiệp hay không.

-Trong quản lý tài chính ở các doanh nghiệp hạch toán kế toán giữ vai trò quan trọng vì nó là công cụ không thể thiếu được để thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin về toàn bộ hoạt động về kinh tế tài chính của doanh nghiệp, phục vụ

cho yêu cầu quản lý tài chính Nhà nước và yêu cầu quản lý kinh doanh, bảo vệ tài sản, thực hiện hạch toán kinh doanh của doanh nghiệp.

***Nhiệm vụ:**

Việc ghi chép phản ánh đúng các khoản chi phí, doanh thu rất quan trọng. Bởi nếu không phản ánh đúng, đủ các khoản chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh sẽ rất khó khăn cho nhà quản trị trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh. Hơn nữa, việc phản ánh các khoản chi phí còn ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp, nó có thể làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp, mà kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp còn thể hiện nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với Nhà nước. Vì vậy, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ để cung cấp thông tin kịp thời và chính xác cho người quản lý trong đơn vị đưa ra được các quyết định hữu hiệu, đó là:

Thứ nhất, phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình phát sinh, hiện có và sự biến động của từng loại hàng hóa theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại, giá trị.

Thứ hai, phản ánh kịp thời, đầy đủ, chính xác các khoản doanh thu, giảm trừ doanh thu và chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp. Đồng thời theo dõi chi tiết, cụ thể tình hình các khoản phải thu khách hàng theo từng đối tượng khách hàng.

Thứ ba, phản ánh đầy đủ và tính toán chính xác các chi phí phát sinh như giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính, chi phí khác để làm cơ sở xác định kết quả kinh doanh.

Ngoài ra kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh còn có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch bán hàng, lợi nhuận, phân phối lợi nhuận, tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước, cung cấp thông tin kế toán cần thiết phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính, xác định và phân phối kết quả kinh doanh.

Thực hiện tốt các nhiệm vụ trên có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc quản lý và hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp. Song để thực hiện tốt các nhiệm vụ đó đòi hỏi phải tổ chức công tác kế toán thật khoa học, hợp lý đồng thời cán bộ kế toán phải nắm vững nội dung của việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.3. Lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

1.3.1 Tổ chức kế toán doanh thu

1.3.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

a, Chứng từ sử dụng

Doanh thu thể hiện việc doanh nghiệp bán sản phẩm, hàng hoá hoặc cung cấp dịch vụ. Do đó, các chứng từ đi kèm làm căn cứ ghi sổ bao gồm:

- Hóa đơn bán hàng thông thường, hóa đơn GTGT
- Phiếu thu, phiếu chi
- Bảng thanh toán đại lý
- Hóa đơn của bên trả hàng
- Hợp đồng mua bán hàng hóa giữa hai bên
- Biên bản trả hàng giữa hai bên: bên mua và bên bán
- Các chứng từ khác có liên quan

b, Tài khoản sử dụng

✓ *Tài khoản 511 “ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”* dùng để phản ánh doanh thu bán hàng thực tế của doanh nghiệp thực hiện trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

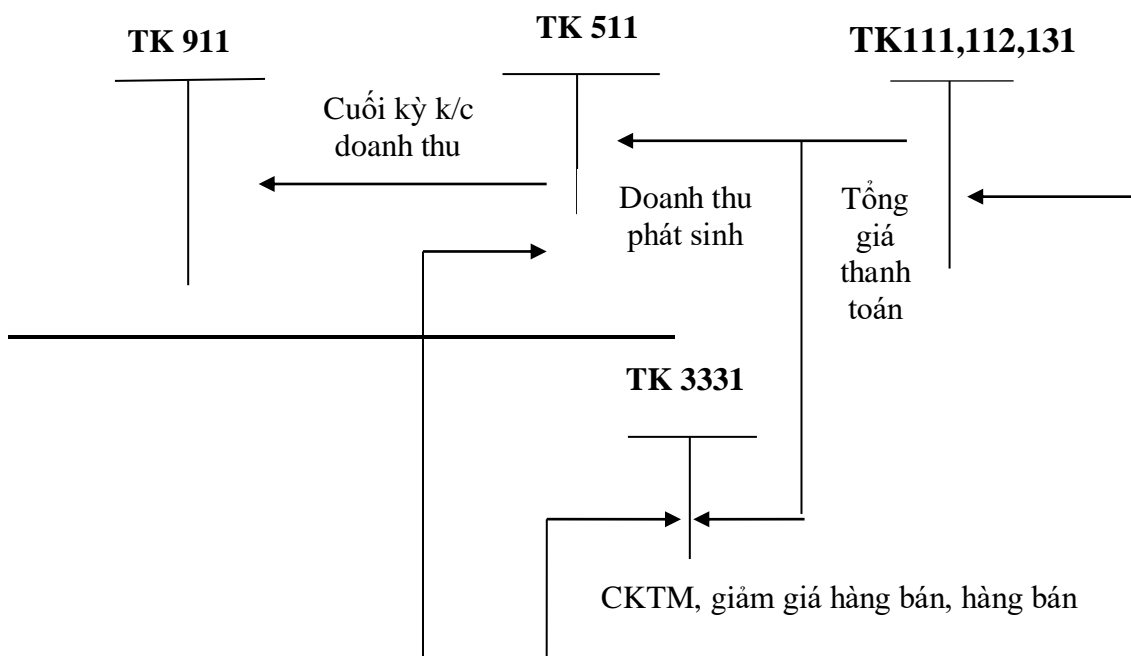
Tài khoản 511 có bốn tài khoản cấp 2 như sau:

- TK 5111: Doanh thu bán hàng hoá
- TK 5112 : Doanh thu bán các thành phẩm
- TK 5113 : Doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK 5118 : Doanh thu khác

- Kết cấu và nội dung phản ánh TK 511

Nợ	TK 511	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu, hoặc thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và đã được xác định là tiêu thụ trong kỳ kế toán; - Các khoản giảm trừ doanh thu; - Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. 		<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp đã thực hiện trong kỳ kế toán.

c. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.1 : Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ các nghiệp vụ chủ yếu

1.3.1.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính*a. Chứng từ sử dụng*

- Phiếu thu
- Giấy báo có
- Bảng tính tiền lãi
- Biên bản chia cổ tức
- Các chứng từ khác có liên quan

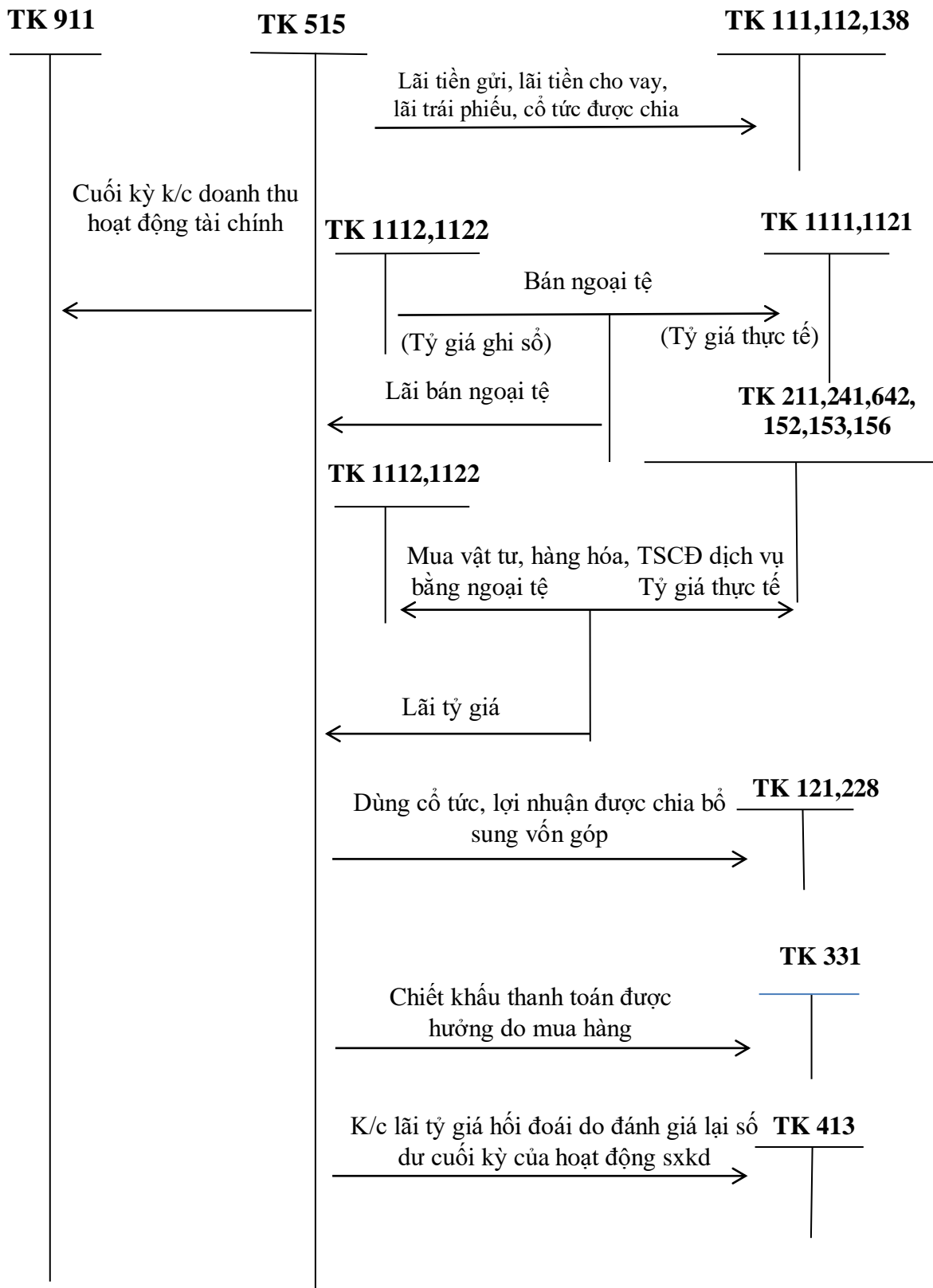
b. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, khoản lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh và doanh thu các hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

- Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 515

Nợ	TK 515	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có) - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911 	<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ 	
	✕	

c. Phương pháp hạch toán

**Sơ đồ 1.2:** Kế toán doanh thu hoạt động tài chính các nghiệp vụ chủ yếu

1.3.1.3. Kế toán thu nhập khác*a. Chứng từ sử dụng*

- Phiếu thu
- Giấy báo có
- Biên bản thanh lý nhượng bán tài sản
- Biên bản hợp đồng kinh tế giữa 2 bên: bên mua và bên bán
- Các chứng từ khác có liên quan.

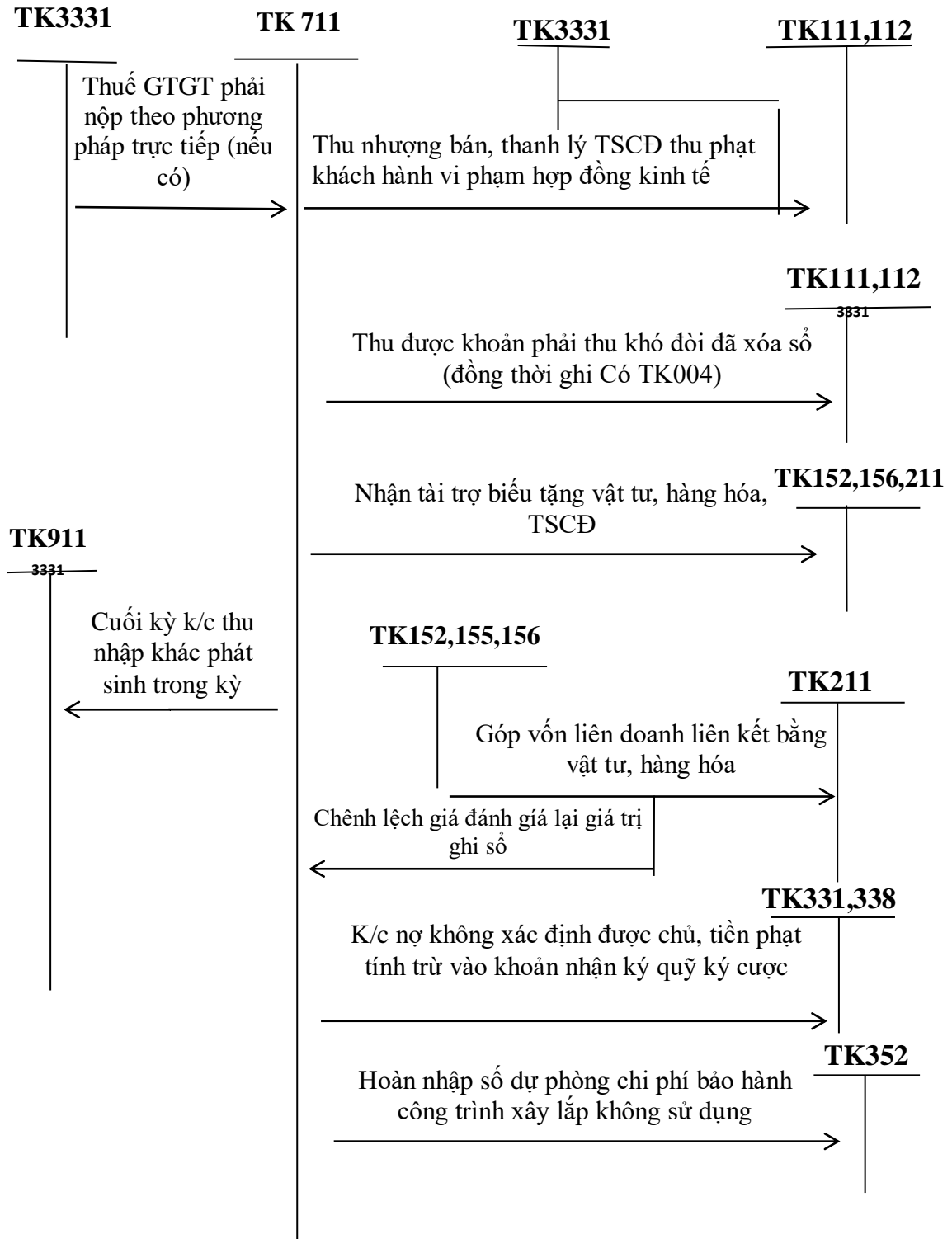
b. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 711: Thu nhập khác dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp gồm: Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ; chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.

- Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 711

Nợ	TK 711	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp. - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ. - Các khoản thuế được NSNN hoàn lại; Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, bằng hiện vật của các tổ chức cá nhân tặng cho doanh nghiệp - Thu tiền được do khách hàng vi phạm hợp đồng, Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ - Các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót hay quên ghi sổ kế toán, năm nay mới phát hiện ra.... 	
✕		

c. Phương pháp hạch toán

**Sơ đồ 1.3:** Kế toán các nghiệp vụ chủ yếu về thu nhập khác

1.3.2. Tổ chức kế toán chi phí của doanh nghiệp**1.3.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán.***a, Chứng từ sử dụng*

- Phiếu xuất kho
- Phiếu xuất kho kiêm hóa đơn vận chuyển nội bộ
- Phiếu xuất kho hàng gửi bán đại lý
- Các chứng từ khác có liên quan

b, Tài khoản sử dụng


✓ *Tài khoản 632 “ Giá vốn hàng bán”* dùng để theo dõi trị giá vốn của hàng hóa, thành phẩm, dịch vụ xuất bán trong kỳ. Giá vốn hàng bán có thể là giá thành công xưởng thực tế của sản phẩm xuất bán hay giá thành thực tế của lao vụ, dịch vụ cung cấp hoặc trị giá mua của hàng hóa tiêu thụ. TK 632 được áp dụng cho các doanh nghiệp sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên và các doanh nghiệp sử dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để xác định giá vốn của sản phẩm, hàng hóa tiêu thụ.

- Kết cấu và nội dung phản ánh tài khoản 632
 - ❖ *Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên:*

Nợ	TK 632	Có
<p>- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ, chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.</p> <p>- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra, Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).</p>	<p>- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911.</p> <p>Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước); trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.</p> <p>Các khoản thuế nhập khẩu, thuế TTĐB, đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại.</p>	



- ❖ *Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ*

Nợ	TK 632	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của hàng hóa đã xuất bán trong kỳ (với đơn vị kinh doanh vật tư, hàng hóa). - Trị giá vốn thành phẩm tồn kho đầu kỳ và sản xuất trong kỳ, giá trị lao vụ, dịch vụ đã hoàn thành trong kỳ. - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết). 	<ul style="list-style-type: none"> - Giá trị của hàng hóa đã xuất bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ. - Giá trị thành phẩm tồn kho cuối kỳ (với đơn vị sản xuất và dịch vụ). - Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước). <p>Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán vào bên Nợ TK 911.</p>	
		

c. Phương pháp xác định giá vốn hàng bán

$$\text{Trị giá hàng xuất kho} = \frac{\text{Số lượng xuất kho}}{\text{Đơn giá xuất kho}} \times \text{Đơn giá xuất kho}$$

Đơn giá được tính theo 3 phương pháp:

❖ **Phương pháp bình quân gia quyền:** Theo phương pháp này, giá trị sản phẩm hàng hóa vật tư (hàng tồn kho) xuất được xác định trên cơ sở lấy số lượng xuất nhân với đơn giá bình quân. Phạm vi tính đơn giá xuất bình quân có thể là cả kỳ hiện tại, sau mỗi lần nhập hoặc cuối kỳ trước trong đó:

- Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ} = \frac{\text{Giá trị hàng tồn kho đầu kỳ} + \text{giá trị hàng mua vào trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng mua vào trong kỳ}}$$

Ưu điểm: Đơn giản, dễ làm chỉ cần tính toán một lần vào cuối kỳ.

Nhược điểm: Độ chính xác không cao, lượng công việc dồn vào cuối tháng nên ảnh hưởng đến tiến độ của phần hành khác. Ngoài ra phương pháp này chưa đáp ứng yêu cầu kịp thời của thông tin kế toán ngay tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

- Phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn

$$\text{Đơn giá bình quân liên hoàn sau lần nhập} = \frac{\text{Trị giá thực tế sản phẩm tồn kho sau lần nhập}}{\text{Số lượng hàng hóa thực tế tồn kho cuối kỳ trước}}$$

Ưu điểm: Khắc phục được những hạn chế của phương pháp trên đạt được độ chính xác cao, cung cấp thông tin kịp thời cho nhà quản lý.

Nhược điểm: Việc tính toán phức tạp, nhiều lần tốn nhiều công sức nên phương pháp này áp dụng cho các doanh nghiệp có ít chủng loại hàng tồn kho, có số lượng hàng hóa nhập xuất ít.

❖ **Phương pháp nhập trước, xuất trước:** Theo phương pháp này tính giá hàng tồn kho tồn kho xuất trên cơ sở giả định rằng lượng hàng nào có trước thì xuất trước, nếu không đủ thì tính theo giá của lần nhập tiếp theo cho lượng

hàng còn thiếu. Với phương pháp này giá trị của hàng tồn kho cuối kỳ sẽ là giá của lần nhập sau cùng.

Ưu điểm: Có thể tính ngay trị giá vốn hàng xuất kho từng lần xuất hàng. Do đó đảm bảo cung cấp số liệu kịp thời cho kế toán chi phí ghi chép các khâu tiếp theo cũng như cho quản lý. Trị giá vốn của hàng tồn kho sẽ tương đối sát với giá thị trường của mặt hàng đó. Vì vậy, chỉ tiêu hàng tồn kho trên báo cáo kế toán có ý nghĩa thực tế hơn.

Nhược điểm: Làm cho doanh thu hiện tại không phù hợp với chi phí hiện tại. Theo phương pháp này doanh thu hiện tại được tạo ra bởi giá trị sản phẩm, vật tư, hàng hóa đã có được từ cách đó rất lâu. Đồng thời nếu số lượng, chủng loại mặt hàng nhiều, phát sinh nhập xuất liên tục dẫn đến những chi phí cho việc hạch toán cũng như khối lượng công việc sẽ tăng lên nhiều.

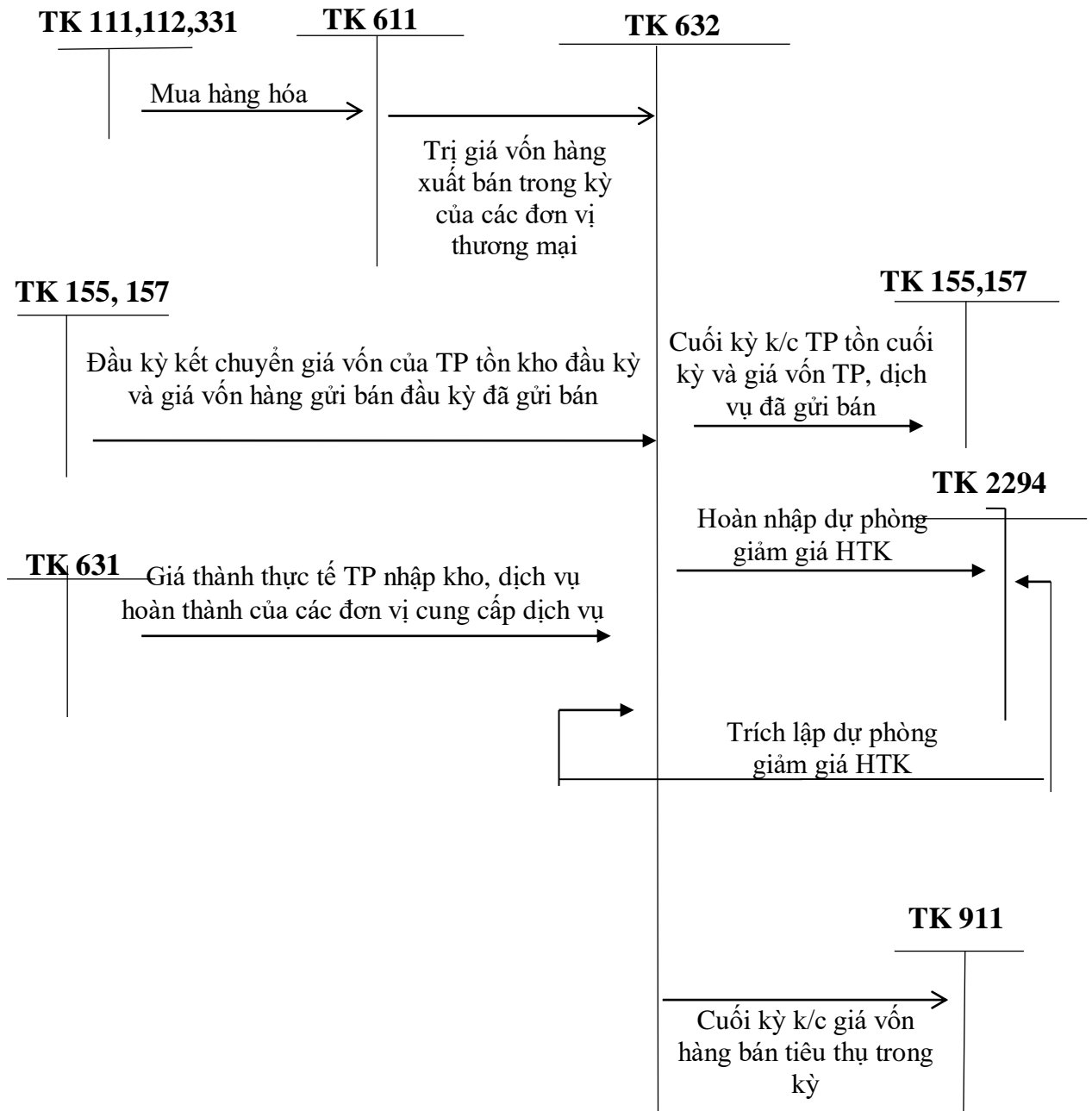
❖ **Phương pháp giá đơn vị thực tế đích danh**: Phương pháp này xác định giá trị hàng tồn kho xuất bằng cách lấy số lượng hàng tồn kho xuất nhân với giá đơn vị của lần nhập tương ứng. Phương pháp này có ưu điểm kết quả tính toán có độ chính xác cao nhưng đơn vị phải có mặt bằng rộng có thể quản lý riêng biệt hàng tồn kho theo từng lần nhập.

Ưu điểm: Đây là phương án tốt nhất nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán, chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị thực tế của hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra, giá trị hàng hóa tồn kho được phản ánh đúng giá trị thực tế của nó.

Nhược điểm: Việc áp dụng phương pháp này đòi hỏi những điều kiện khắt khe, chỉ những doanh nghiệp có kinh doanh ít loại mặt hàng, hàng tồn kho có giá trị lớn, mặt hàng ổn định. Đối với doanh nghiệp có nhiều loại hàng thì không thể áp dụng phương pháp này.

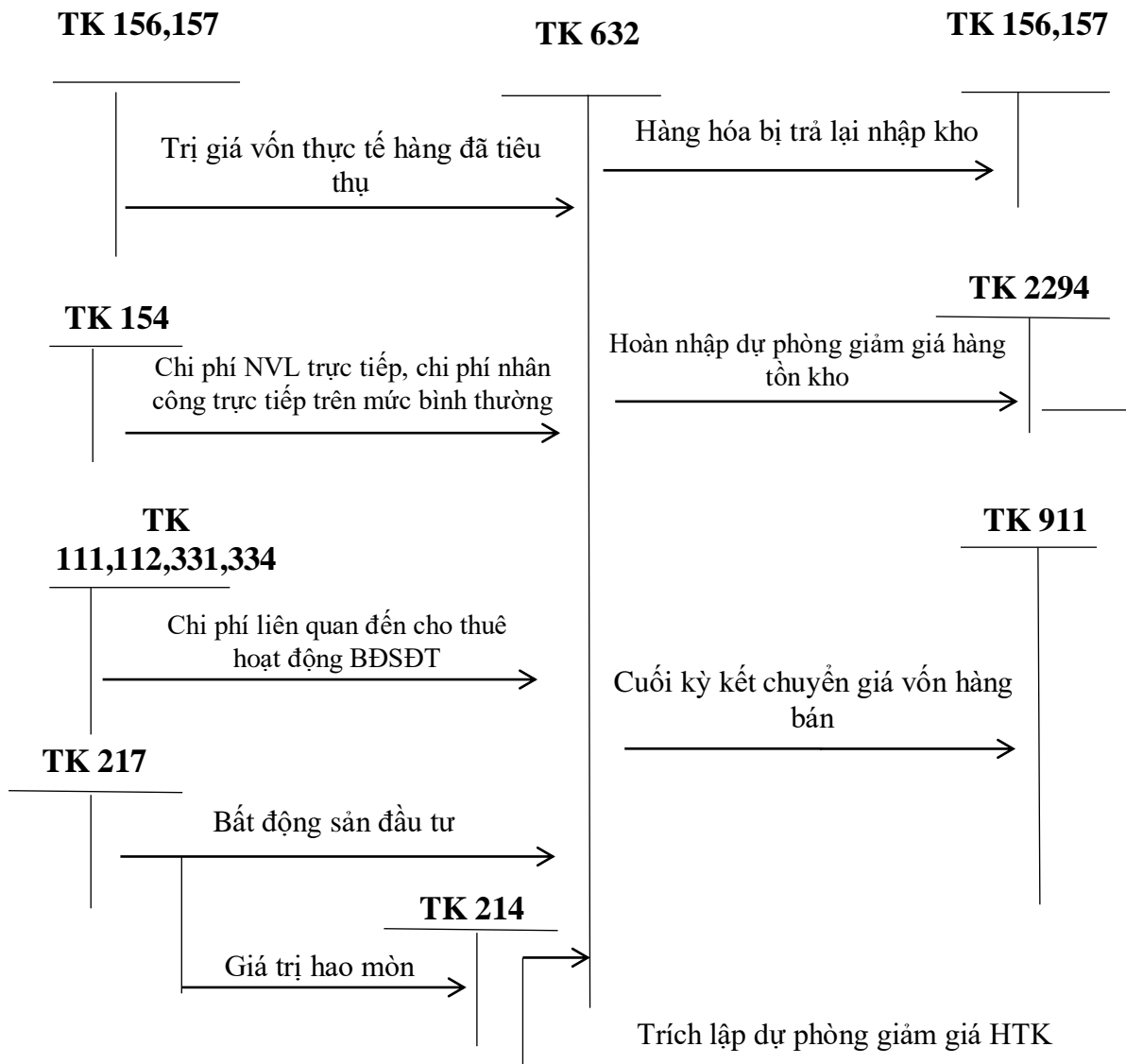
d. Phương pháp hạch toán

Đối với doanh nghiệp kế toán HTK theo phương pháp kiểm kê định kỳ

**Sơ đồ 1.4: Kế toán giá vốn hàng bán**

(Theo phương pháp kiểm kê định kỳ)

❖ Doanh nghiệp kế toán HTK theo phương pháp kê khai thường xuyên.



Sơ đồ 1.4: Kế toán giá vốn hàng bán
(Theo phương pháp kê khai thường xuyên)

1.3.2.2. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh*a. Chứng từ sử dụng*

- Phiếu chi
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Bảng thanh toán tiền lương
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Các chứng từ khác có liên quan

b. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 642 “ Chi phí quản lý kinh doanh ” dùng để phản ánh các khoản chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ và có 2 tài khoản cấp 2 như sau:

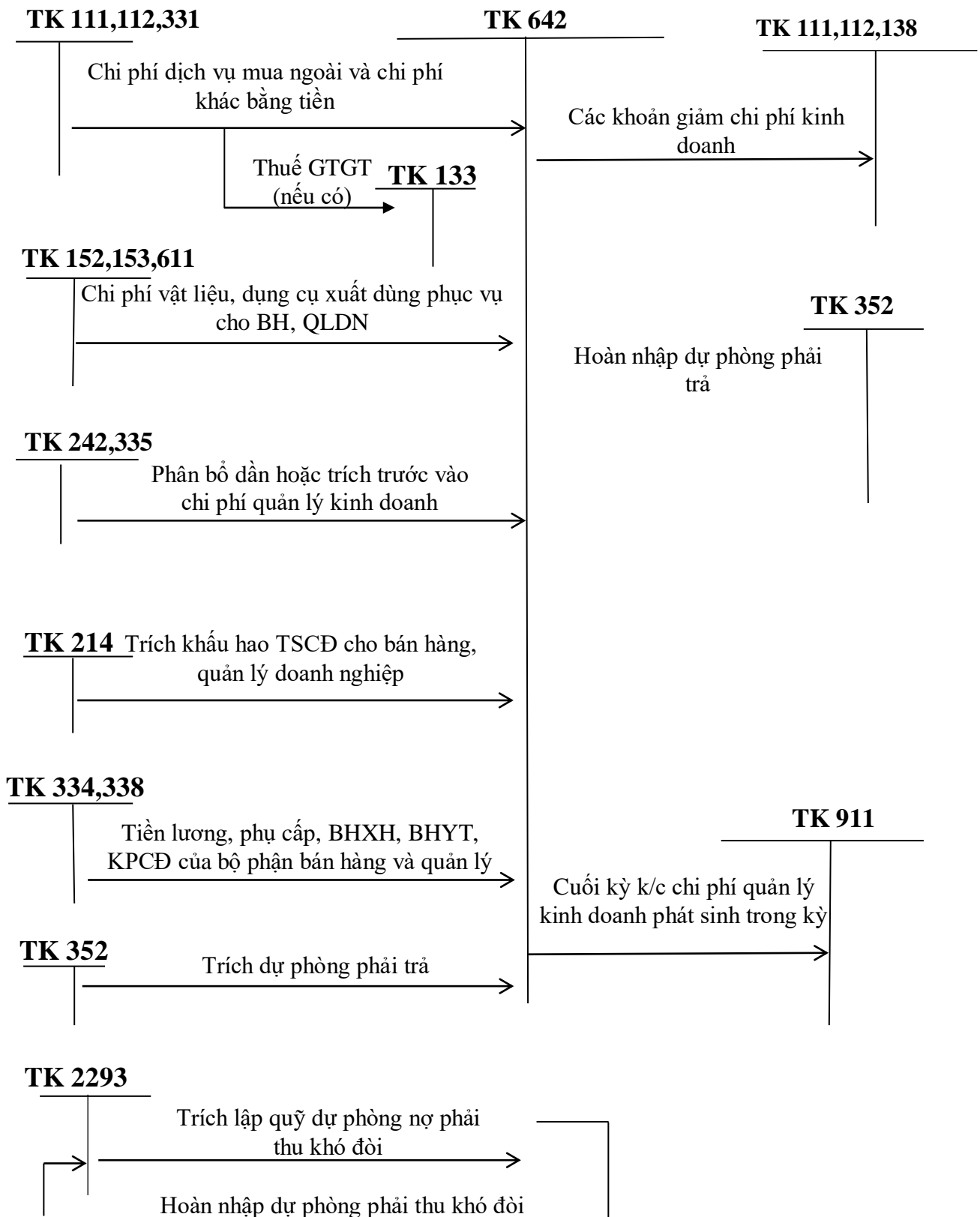
- TK 6421: Chi phí bán hàng.
 - TK 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 642

Nợ	TK 642	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Các chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh của doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ. - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết) 	<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết) - Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào TK 911 	



c, Phương pháp hạch toán

✓ Phương pháp hạch toán chi phí quản lý kinh doanh



Sơ đồ 1.8: Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.3.2.3. Kế toán chi phí tài chính*a. Chứng từ sử dụng*

- Phiếu tính lãi đi vay
- Giấy tờ liên quan đến bán ngoại tệ
- Biên bản hợp đồng quy định chiết khấu thanh toán cho người mua
- Giấy báo nợ
- Phiếu chi
- Biên bản nhận lại tài sản cố định mà trước đó đem đi góp vốn

b. Tài khoản sử dụng

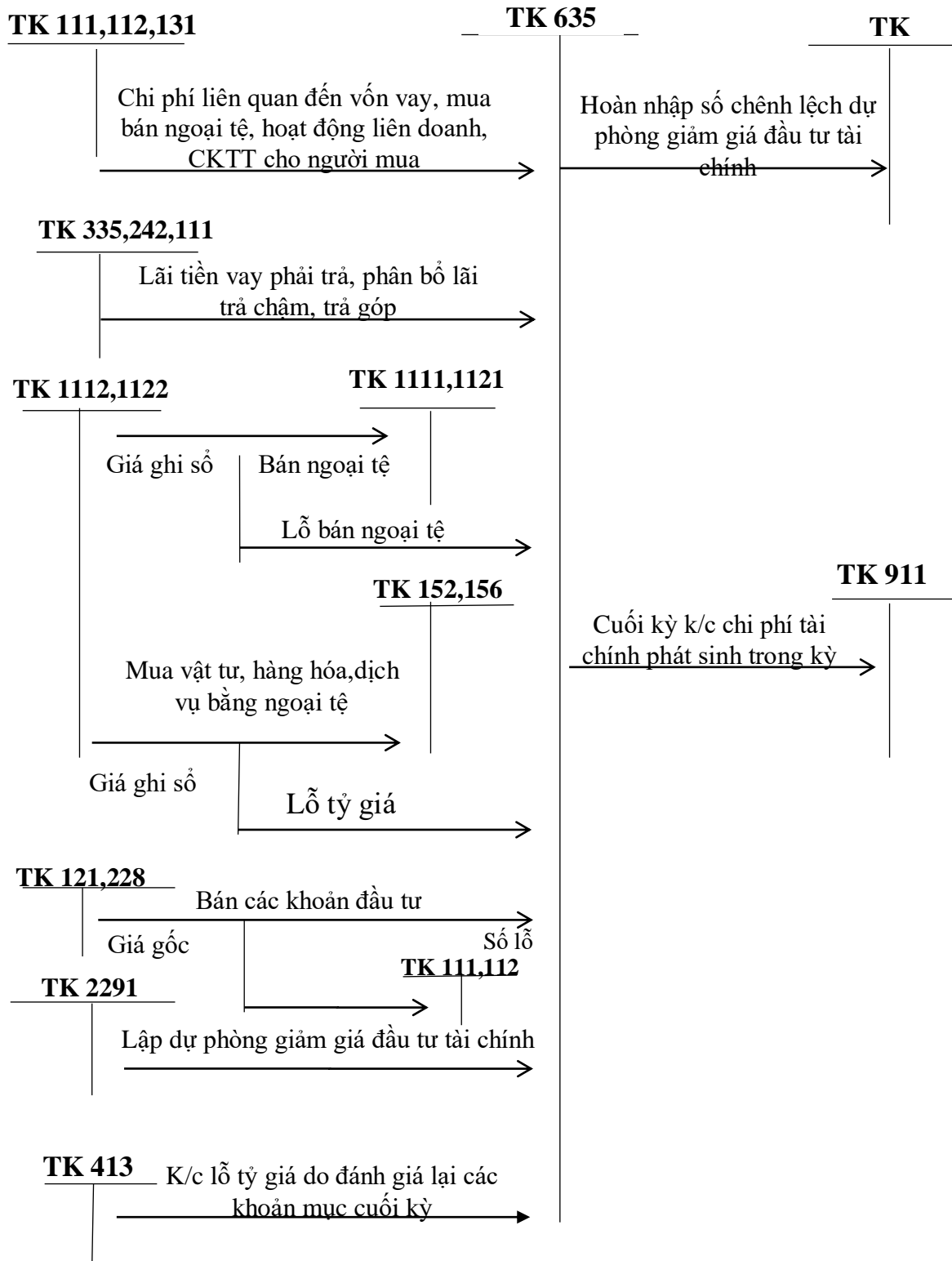
Tài khoản 635 “ Chi phí tài chính” dùng để phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính, bao gồm các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái..

- Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 635

Nợ	TK 635	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính. - Lỗ bán ngoại tệ, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ; Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. - Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác. (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết). - Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính. - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh. 	



c. Phương pháp hạch toán

**Sơ đồ 1.6: Kế toán chi phí tài chính**

1.3.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh*a. Chứng từ sử dụng*

- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng
- Phiếu xuất kho
- Phiếu chi
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Bảng thanh toán tiền lương
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Các chứng từ khác có liên quan

b. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 642 “ Chi phí quản lý kinh doanh ” dùng để phản ánh các khoản chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ và có 2 tài khoản cấp 2 như sau:

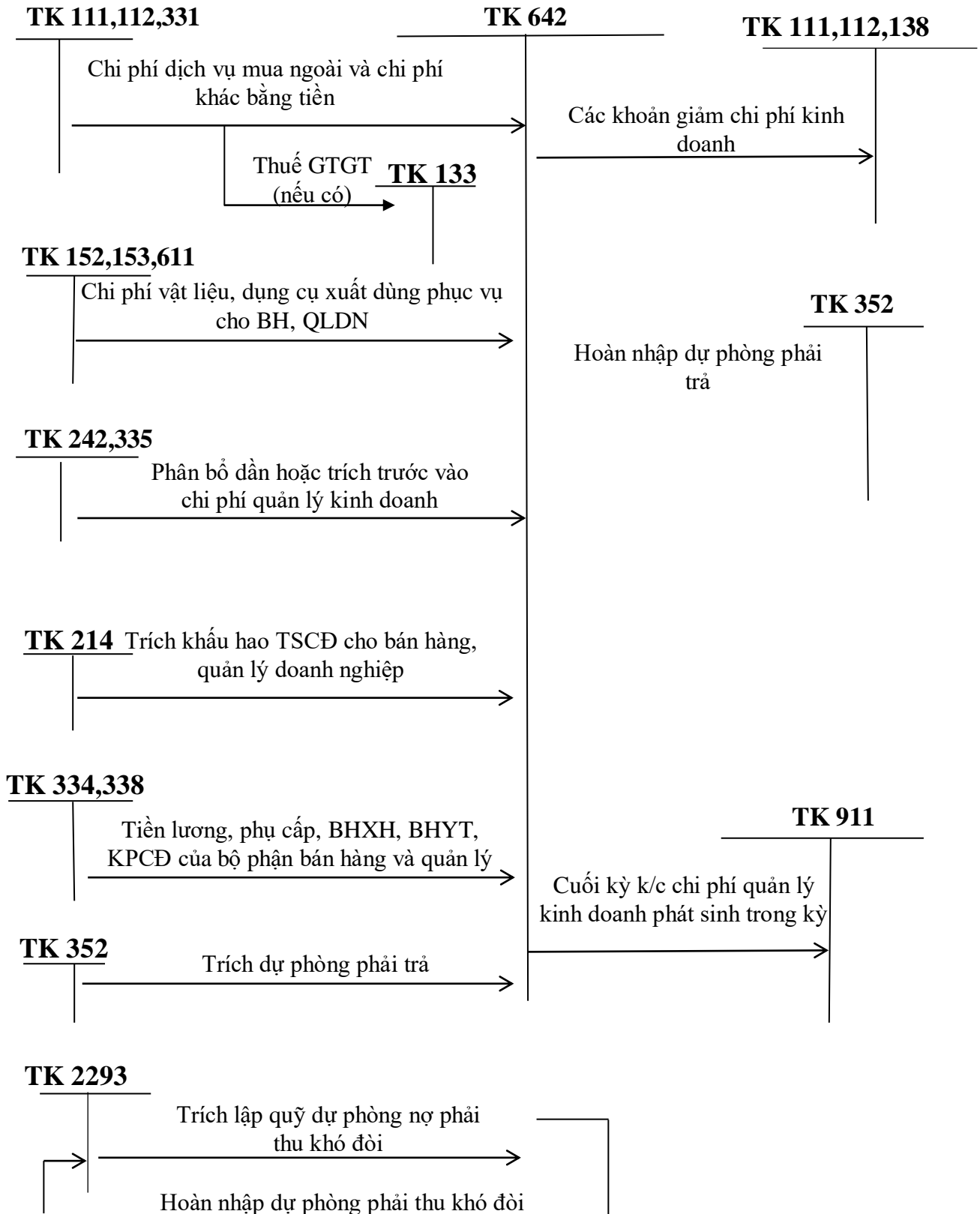
- TK 6421: Chi phí bán hàng.
 - TK 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 642

Nợ	TK 642	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Các chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh của doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ. - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết) 	<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết) - Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào TK 911 	



c, Phương pháp hạch toán

✓ Phương pháp hạch toán chi phí quản lý kinh doanh



Sơ đồ 1.8: Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.3.2.4. Kế toán chi phí khác*a. Chứng từ sử dụng*

- Biên bản thanh lý nhượng bán TSCĐ, biên bản hợp đồng kinh tế, giao nhận hàng giữa bên mua và bên bán.

- Bên bản đánh giá lại TSCĐ; biên bản vi phạm hợp đồng

- Phiếu chi

- Biên bản đem tài sản đi góp vốn: giá trị đánh giá lại của tài sản nhỏ hơn giá trị còn lại

- Các chứng từ kế toán khác có liên quan

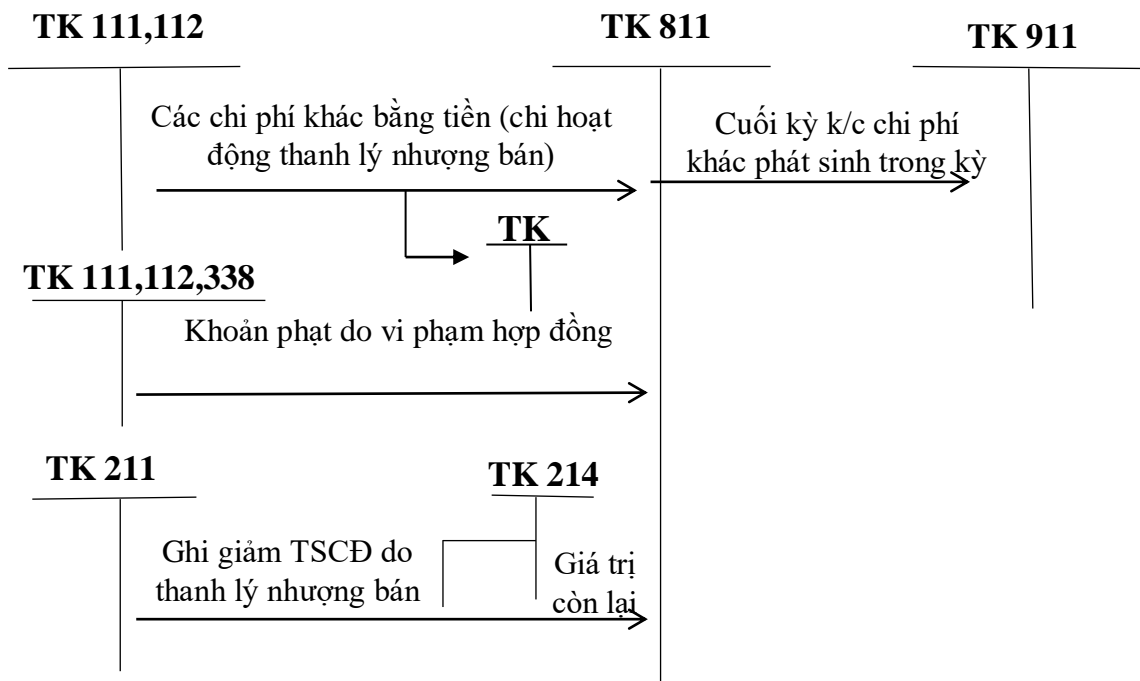
b. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 811- Chi phí khác: Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

- Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 811

Nợ	TK 811	Có
<p>Các khoản chi phí khác phát sinh như:</p> <p>+ Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ ; giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có)</p> <p>+ Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác</p> <p>+ Tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt hành chính; các khoản chi phí khác</p>	<p>- Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”</p>	
	X	

c. Phương pháp hạch toán

**Sơ đồ 1.9: Kế toán chi phí khác**

1.3.2.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp*a. Chứng từ sử dụng*

- Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính
- Tờ khai điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp
- Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp
- Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước, biên lai nộp tiền
- Chứng từ khác có liên quan

b. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 821 “ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ” dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Tài khoản 821 có 2 TK cấp 2:

- TK 8211: Chi phí thuế TNDN hiện hành
- TK 8212: Chi phí thuế TNDN hoãn lại.

❖ Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 821

Nợ	TK 821	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Thuế TNDN phải nộp tính vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm. - Thuế TNDN của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế TNDN hiện hành của năm hiện tại. 		<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế TNDN hiện hành thực tế phải nộp trong năm < số thuế TNDN tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế TNDN hiện hành đã ghi nhận trong năm. - Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm hiện tại. - Kết chuyển vào tài khoản xác định kết quả kinh doanh.

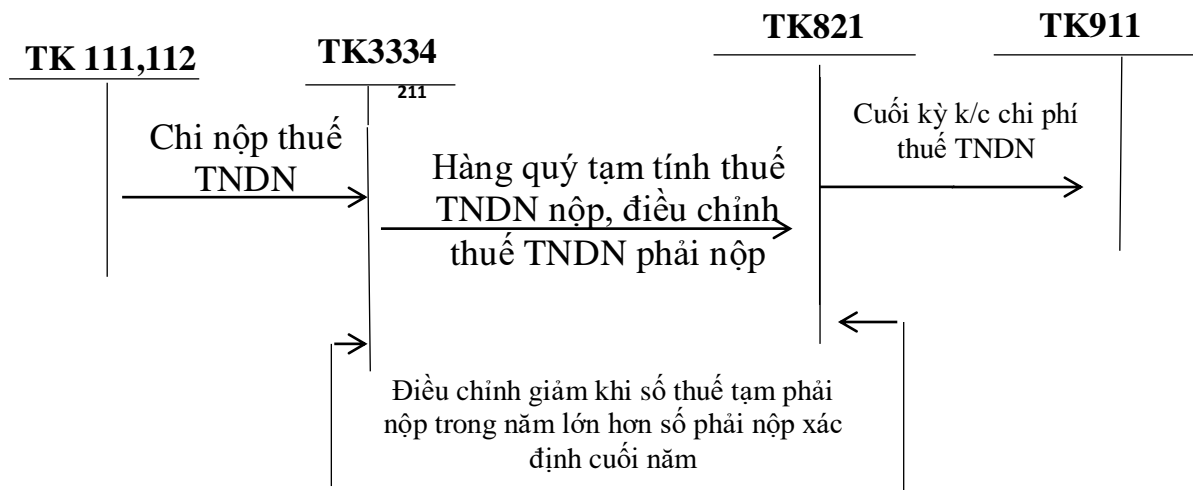
~~X~~

Ngoài ra còn sử dụng tài khoản 3334-Thuế TNDN. Tài khoản 3334 dùng để phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp, đã nộp và còn phải nộp vào ngân sách Nhà nước.

❖ Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 3334

Nợ	TK 3334	Có
<p>- Phản ánh số thuế TNDN đã nộp vào ngân sách Nhà nước.</p> <p>Phản ánh số chênh lệch thừa khi số thuế TNDN thực tế phải nộp nhỏ hơn số thuế TNDN tạm nộp hàng quý trong năm .</p>		<p>- Số thuế TNDN còn phải nộp vào ngân sách Nhà nước.</p> <p>- Phản ánh số chênh lệch thiếu khi: Số thuế TNDN thực tế phải nộp lớn hơn số thuế TNDN tạm nộp hàng quý trong năm năm hiện tại.</p>
<p>Số thuế và các khoản đã nộp lớn hơn số thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước</p>		<p>Số thuế TNDN còn phải nộp vào ngân sách Nhà nước</p>

c. Phương pháp hạch toán

**Sơ đồ 1.10: Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

1.3.3 Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng của các hoạt động trong công ty trong một thời gian nhất định (tháng, quý, năm). Kết quả hoạt động kinh doanh được biểu hiện qua chỉ tiêu “lãi” hoặc “lỗ”.

a, Cách xác định kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh = Doanh thu thuần - giá vốn hàng bán + Doanh thu hoạt động tài chính - Chi phí tài chính - Chi phí quản lý kinh doanh + Thu nhập khác - Chi phí khác.

Trong đó:

Doanh thu thuần = Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ - Chiết khấu thương mại - Giảm giá hàng bán - Hàng bán bị trả lại - Thuế TTĐB, XNK

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập tính thuế * Thuế suất thuế TNDN

LNST = LNTT – Thuế TNDN phải nộp

b. Chứng từ sử dụng

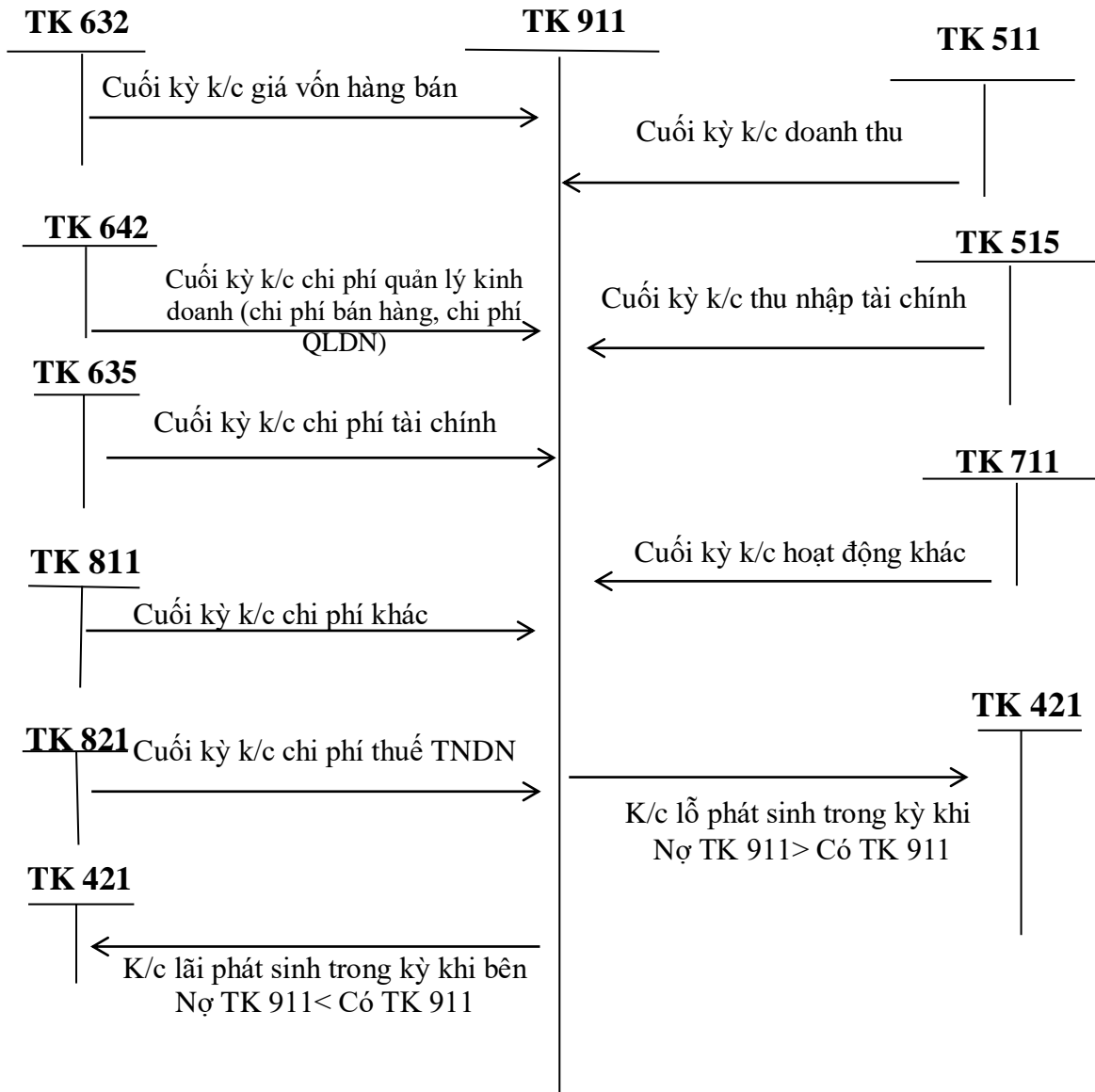
- Phiếu kế toán: dùng kết chuyển chi phí và doanh thu
- Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Các chứng từ khác có liên quan

c, Tài khoản sử dụng

Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” dùng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong một kỳ hoạch toán. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và lợi nhuận khác.

- Kết cấu của tài khoản 911 như sau:

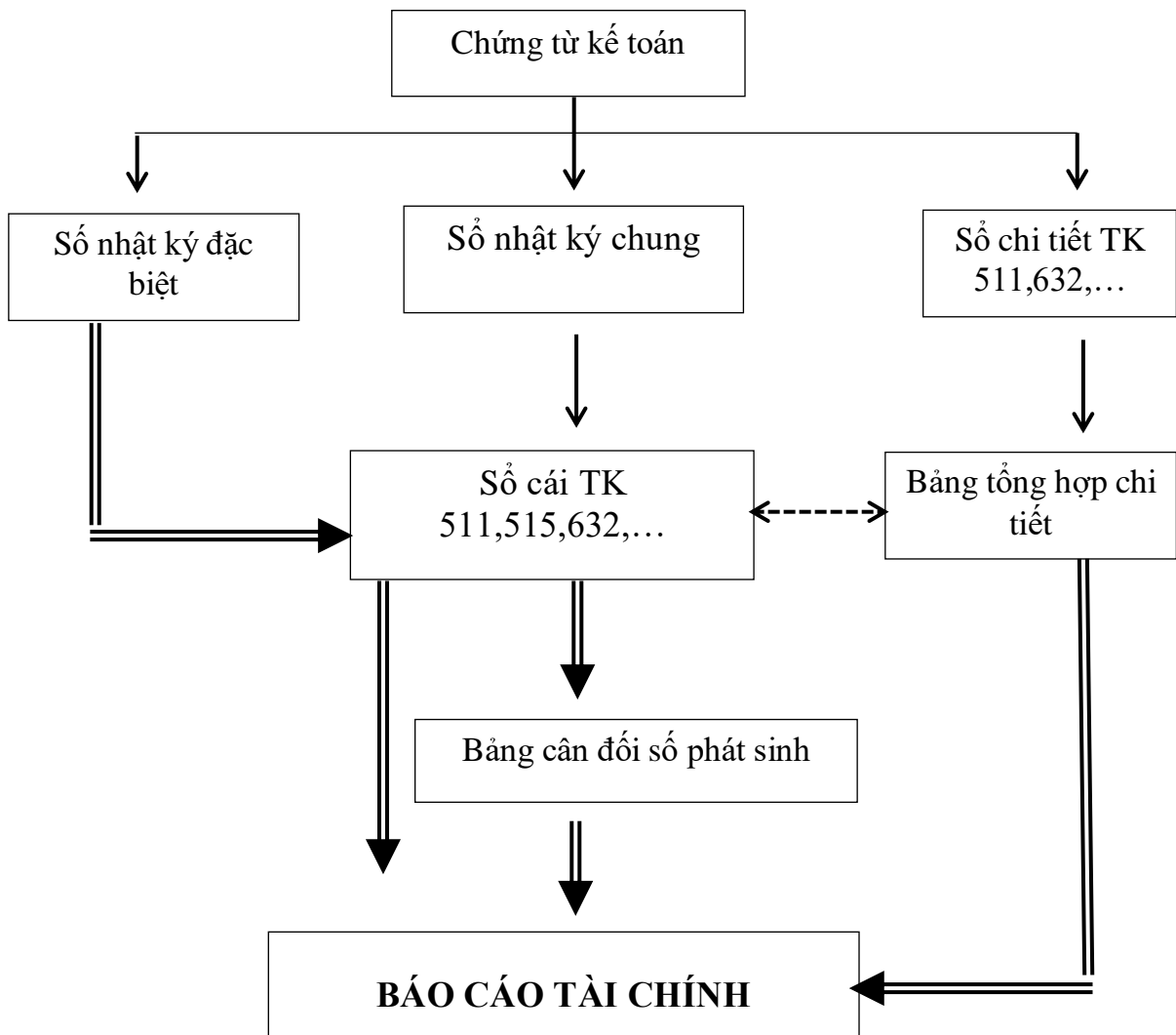
Nợ	TK 911	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán. - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế TNDN và chi phí khác. - Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. - Kết chuyển lãi 		<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ. - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản kết chuyển giảm chi phí thuế TNDN. - Kết chuyển lỗ.

d. Phương pháp hạch toán**Sơ đồ 1.11:** Kế toán tổng hợp xác định kết quả hoạt động kinh doanh




1.4.Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo các hình thức kế toán

Theo chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành theo TT 133/2016 của Bộ tài chính doanh nghiệp được áp dụng một trong 5 hình thức kế toán sau:

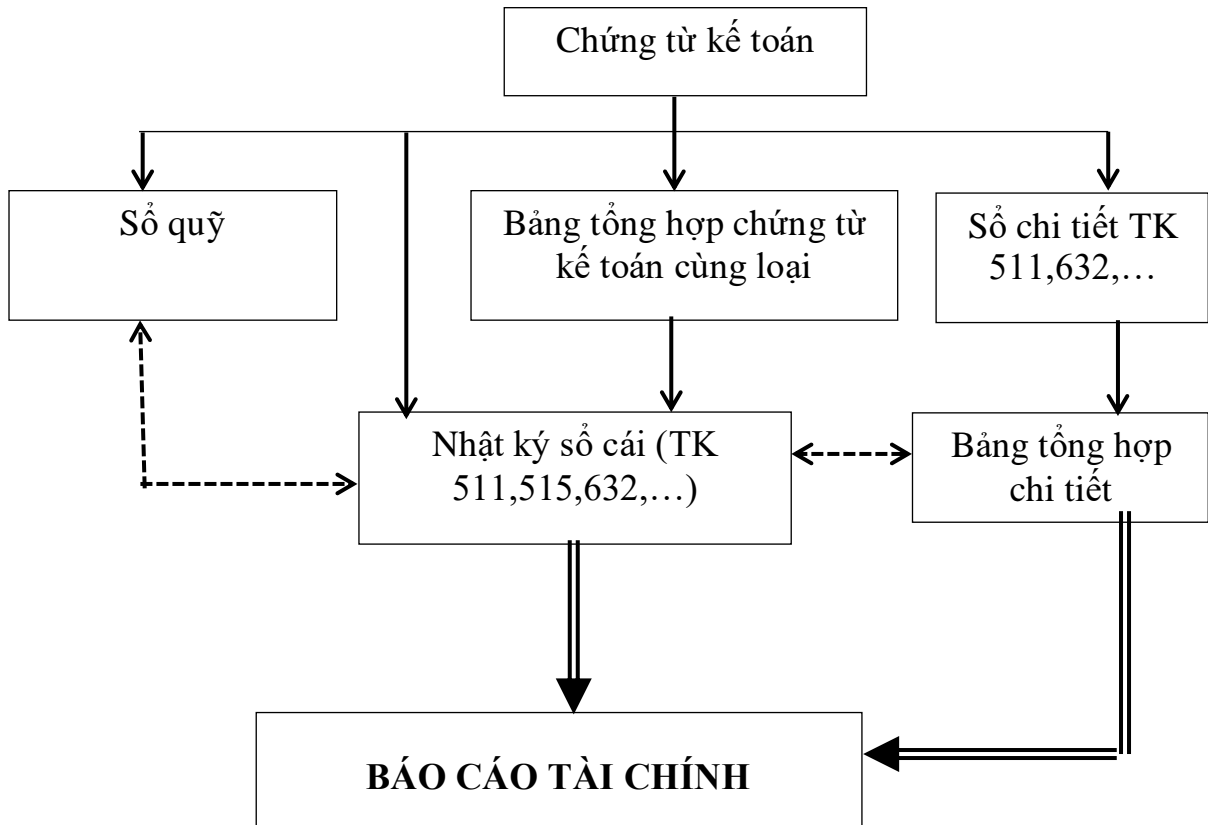
1.4.1.Hình thức kế toán Nhật ký chung



Ghi chú:

-  : Ghi hàng ngày
 : Ghi định kỳ
 : Đối chiếu

Sơ đồ 1.12: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức nhật ký chung

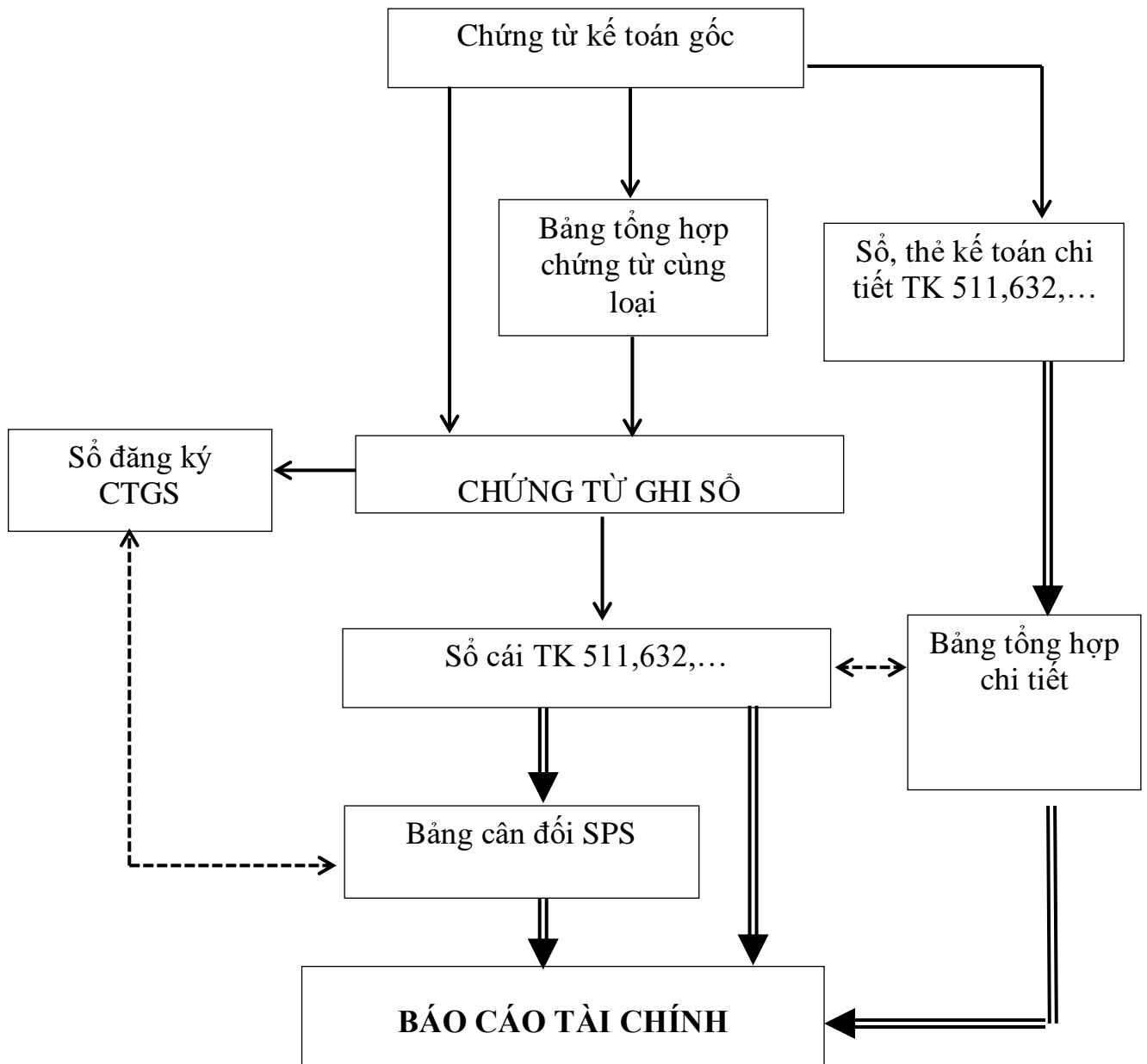
1.4. 2. Hình thức kế toán Nhật ký- Sổ cái

Ghi chú:

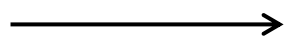


- : Ghi hàng ngày
 ==> : Ghi định kỳ
 ←-.-> : Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.13: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký- Sổ cái

1.4.3. Hình thức nhật ký chứng từ ghi sổ



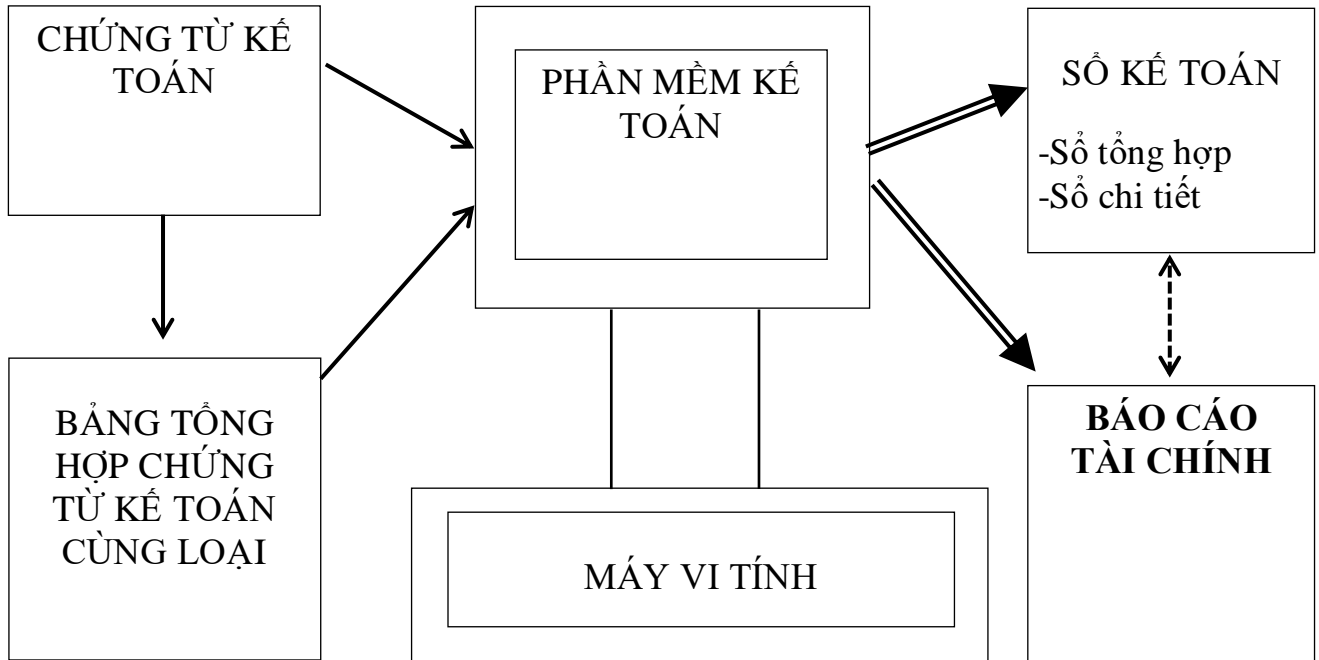
Ghi chú:

-  : Ghi hàng ngày
 : Ghi định kỳ
 : Đối chiếu

Sơ đồ 1.14: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký- Sổ cái

1.4.4. Hình thức kế toán máy

Sơ đồ 1.15: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán máy



Ghi chú:

- : Ghi hàng ngày
 ==> : Ghi định kỳ
 <-.-> : Đối chiếu

Sơ đồ 1.15: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán máy

CHƯƠNG 2**THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU VIỆT THÁI****2.1 TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU VIỆT THÁI****2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển**

✓ Công ty Cổ phần may xuất khẩu Việt Thái được thành lập từ ngày 28/09/2005.

✓ Tên giao dịch: : **VITEXCO**

✓ Trụ sở chính: **Số 100, phố Quang Trung, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Thái Bình, Thái Bình.**

✓ Mã số thuế: 1000360205

✓ Website: <http://www.vitexco-gar.com.vn/maythaibinh@hn.vn>

✓ Điện thoại: **0363831686-0363** - Fax: **0363831548**

✓ Tổng giám đốc: **ĐẶNG VĂN THÁI**

✓ Điện thoại: **0363831686**

✓ Vốn điều lệ: 8.356.128.000

✓ Trong đó: Vốn cố định: 7.216.534.000

Vốn lưu động: 1.139.594.000

Qua nhiều sự nỗ lực và phấn đấu không ngừng của toàn bộ công ty đã đạt được những bước tiến nhảy vọt và đạt được những kết quả đáng kể. Công ty ngày càng nhiều đơn đặt hàng và chủ yếu là sản xuất theo đơn đặt hàng. Sản phẩm của công ty ngày càng đa dạng và phong phú về chủng loại mẫu mã và đạt được uy tín với khách hàng.

Tuy nhiên, là một doanh nghiệp phải chịu sự cạnh tranh bởi nhiều doanh nghiệp lớn, lâu đời và đã có thương hiệu trên thị trường song không phải vì thế mà doanh nghiệp lùi bước. Công ty ngày một lớn mạnh và phát triển.

❖ *Những thuận lợi và khó khăn của công ty may xuất khẩu Việt Thái***• Thuận lợi**

+ Đội ngũ nhân viên có năng lực, có ý thức trách nhiệm, năng động, sáng tạo và luôn nỗ lực hết mình với công việc.

+ Văn phòng được trang bị đầy đủ các thiết bị hiện đại để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của của công ty.

+ Môi trường làm việc chuyên nghiệp khi các phòng ban được phân công rõ ràng và nhất quán.

- Khó khăn

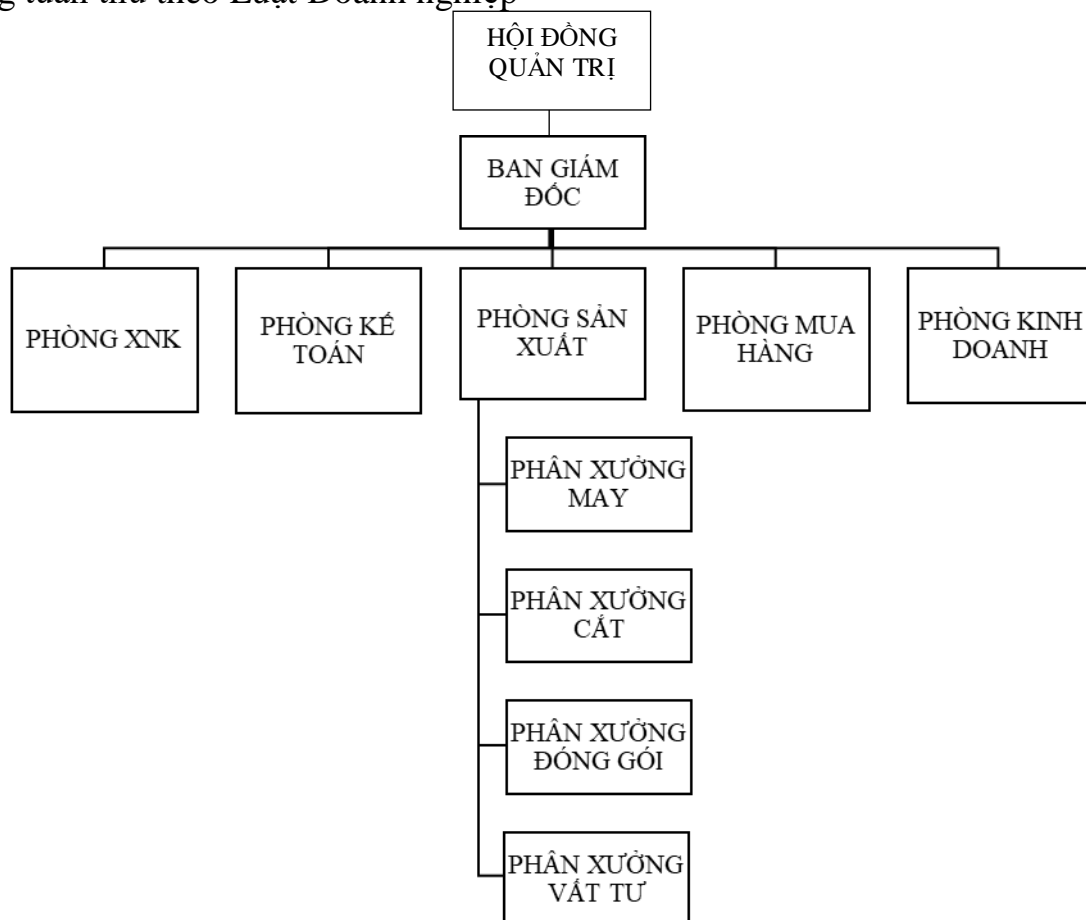
Trong quá trình hoạt động công ty có nhiều thuận lợi nhưng cũng gặp không ít khó khăn như:

+ Thị trường tiêu thụ bị cạnh tranh vì càng ngày càng có nhiều đối thủ không ngừng chiếm lĩnh lấy thị trường này.

+ Vấn đề tài chính luôn là khó khăn chung đối với các doanh nghiệp, nhất là với doanh nghiệp vừa và nhỏ. Giá cả của một số loại vật liệu như vải vóc, xăng dầu,... đều tăng ảnh hưởng đến giá thành của sản phẩm.

2.1.2 Đặc điểm tổ chức quản lý của công ty

- Công ty Cổ phần may xuất khẩu Việt Thái được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp



Sơ đồ 2.1: Mô hình tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty CP may xuất khẩu Việt Thái

❖ Chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban

• Ban Giám đốc

Giám đốc là người trực tiếp điều hành và quyết định các vấn đề liên quan đến việc quản lý và điều hành của công ty. Đồng thời Giám đốc là người phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của công ty.

Giám đốc đóng vai trò quan trọng trong công ty bởi người lãnh đạo có giỏi thì mới có thể phát triển được công ty. Bên cạnh đó Giám đốc cũng cần phải động viên phối hợp nhịp nhàng ăn khớp giữa các bộ phận để cho hoạt động kinh doanh có hiệu quả nhất.

• Phòng kinh doanh

Phòng kinh doanh giữ vai trò là các giao dịch viên. Bộ phận này xây dựng thương hiệu và hình ảnh của công ty, tìm kiếm thêm các mối làm ăn mới cho công ty. Họ là độ ngũ nhân viên trẻ, năng động, nhiệt tình, sáng tạo và có khả năng làm việc theo nhóm.

• Phòng sản xuất

+ Bộ phận vật tư

Bao gồm kho chứa nguyên liệu, phụ liệu để sản xuất. Nhân viên phòng vật tư phải quản lý và đảm bảo vật tư cẩn thận. Khi có các nghiệp vụ liên quan đến vấn đề nhập và xuất vật tư phải viết phiếu nhập kho, xuất kho kịp thời.

+ *Bộ phận cắt*: Cắt hoàn thiện các mẫu và tổ chức cắt hàng loạt.

+ *Bộ phận may*: Các công nhân có tay nghề cao tiến hành tổ chức may từng bộ phận riêng biệt sau đó hoàn chỉnh lại sản phẩm.

+ *Bộ phận đóng gói*: Tiến hành đóng các sản phẩm và đóng vào thùng theo đúng quy cách để chuẩn bị cho việc xuất bán.

• Phòng xuất nhập khẩu

- Lập và triển khai các kế hoạch nhận hàng, xuất hàng nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất và yêu cầu của khách hàng.
- Thực hiện và giám sát việc mở tờ khai để nhận hàng, xuất hàng đúng thời hạn yêu cầu.
- Lập và triển khai các báo cáo cho hải quan theo yêu cầu của luật hải quan.
- Đề xuất với cấp trên trực tiếp về mỗi ý tưởng sáng tạo nhằm cải thiện và nâng cao chất lượng công việc của bộ phận.

• Phòng kế toán

+ Bộ phận nhân sự

Làm công tác tổ chức nhân sự, quản lý lao động, nhận hồ sơ, công tác đoàn, trích tiền bảo hiểm cho nhân viên.

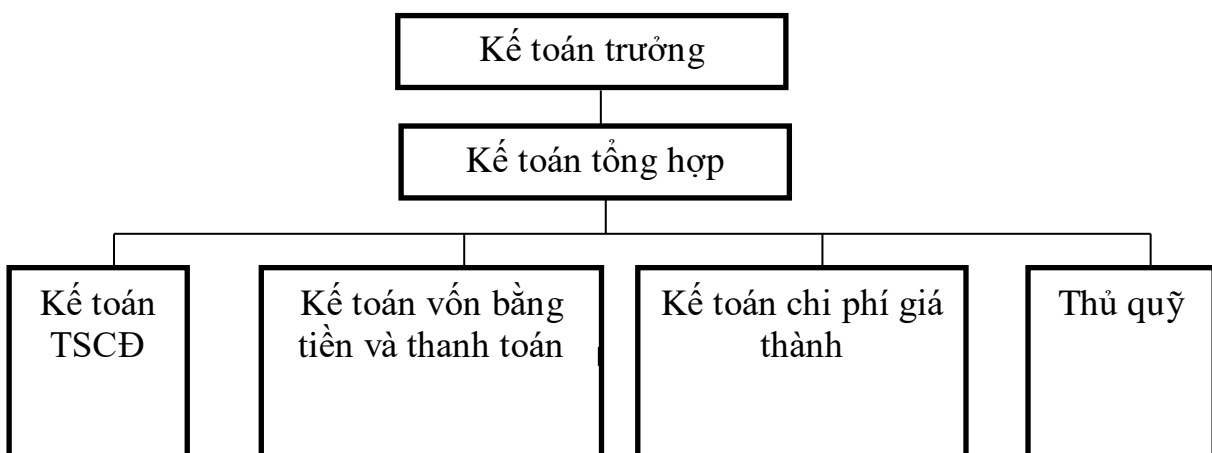
+ *Bộ phận Kế toán*

Có chức năng trong lĩnh vực kế toán tài chính, đầu tư, kế hoạch, tổ chức hệ thống kế toán. Nhiệm vụ của bộ phận này là xây dựng hoàn thiện các quy chế, quy trình về quản lý tài chính, hạch toán kế toán cho phù hợp với quy trình hiện hành của nhà nước và các chuẩn mực kế toán tại Việt Nam. Theo dõi thu chi tài chính, hạch toán lãi lỗ, phân phối doanh thu, lợi nhuận, báo cáo với Giám đốc.

Ngoài ra Bộ phận kế toán còn phải phân tích hoạt động kinh tế nhằm tham mưu cho Giám đốc nắm bắt kịp thời tình hình sản xuất kinh doanh và đề ra các biện pháp xử lý kịp thời.

2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán.

Công ty tổ chức bộ máy công tác kế toán theo hình thức tập trung và áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên. Với hình thức này toàn bộ công việc kế toán trong công ty đều được tiến hành xử lý tại phòng kế toán của công ty. Từ thu thập và kiểm tra chứng từ, ghi sổ kế toán, lập báo cáo. Các bộ phận, các phòng ban chỉ lập chứng từ phát sinh gửi về phòng kế toán. Do đó đảm bảo sự lãnh đạo tập trung thống nhất đối với công tác chuyên môn, kiểm tra xử lý các thông tin kế toán kịp thời, chặt chẽ, thuận lợi cho việc phân công lao động và chuyên môn hóa nâng cao năng suất lao động.



Sơ đồ 2.2: Bộ máy kế toán trong công ty

Kế toán trưởng: Là người tổ chức và chỉ đạo toàn diện công tác kế toán của công ty. Nhiệm vụ của kế toán trưởng:

+ Tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ, khoa học, hợp lý, phù hợp với quy mô phát triển của Công ty theo yêu cầu đổi mới cơ chế quản lý kinh tế.

+ Phân công lao động kế toán hợp lý, hướng dẫn toàn bộ công việc kế toán trong phòng kế toán, đảm bảo cho từng bộ phận kế toán, từng nhân viên kế toán phát huy được khả năng chuyên môn, tạo sự kết hợp chặt chẽ giữa các bộ phận kế toán có liên quan, góp phần thực hiện tốt chức năng và nhiệm vụ của kế toán cung cấp thông tin chính xác, kịp thời để phục vụ cho việc chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

+ Tổ chức kiểm kê định kỳ tài sản, vật tư, tiền vốn, xác định giá trị tài sản theo mặt bằng thị trường.

+ Chịu trách nhiệm lập và nộp báo cáo quyết toán thống kê với chất lượng cao. Tổ chức bảo quản, lưu trữ tài liệu chứng từ, lưu giữ bí mật số liệu theo quy định của nhà nước

Kế toán tổng hợp: Có trách nhiệm chủ yếu là tổ chức, kiểm tra tổng hợp lập báo cáo cho công ty, giúp kế toán trưởng tổ chức bảo quản, lưu trữ hồ sơ, tài liệu kế toán. Tổ chức kế toán tổng hợp và các chi tiết nội dung hạch toán còn lại như: nguồn vốn kinh doanh, các quỹ doanh nghiệp. Mặt khác kế toán tổng hợp còn kiêm luôn nhiệm vụ kế toán tiền lương.

Kế toán TSCĐ: Có nhiệm vụ chủ yếu là phản ánh số hiện có, tình hình tăng giảm, tình hình sử dụng xe ô tô và các TSCĐ khác của Công ty, tính khấu hao, theo dõi sửa chữa thanh lý, nhượng bán xe ô tô và các TSCĐ khác của Công ty và còn có nhiệm vụ thanh toán công nợ và thanh toán với Nhà nước.

Kế toán vốn bằng tiền và thanh toán: Theo dõi và hạch toán kế toán vốn bằng tiền, tài sản cố định và tài sản lưu động, nguồn vốn và các quỹ đơn vị, theo dõi chi phí và các khoản công nợ nội bộ, thanh toán với ngân sách Nhà nước và phân phối lợi nhuận.

Kế toán chi phí giá thành: Hàng tháng tập hợp tất cả các chi phí sản xuất phát sinh ở cá bộ phận, tiến hành phân bổ chi phí sản xuất và tính giá thành cho từng sản phẩm

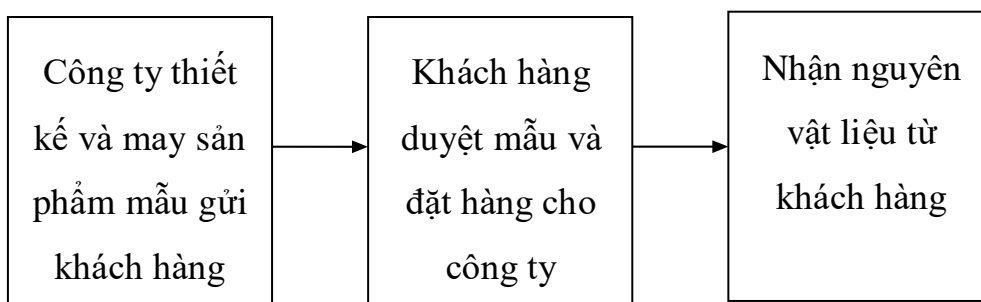
Thủ quỹ: Hàng tháng vào sổ quỹ, lên các báo cáo quỹ, bảo quản tiền. Và thực hiện các nhiệm vụ thu chi, kiểm kê tiền định kỳ. Chịu trách nhiệm và bồi thường khi để xảy ra thất thoát do chủ quan gây ra và phải nghiêm chỉnh tuân thủ các quy định của Nhà nước về quản lý tiền.

2.1.4. Chức năng, nhiệm vụ của công ty

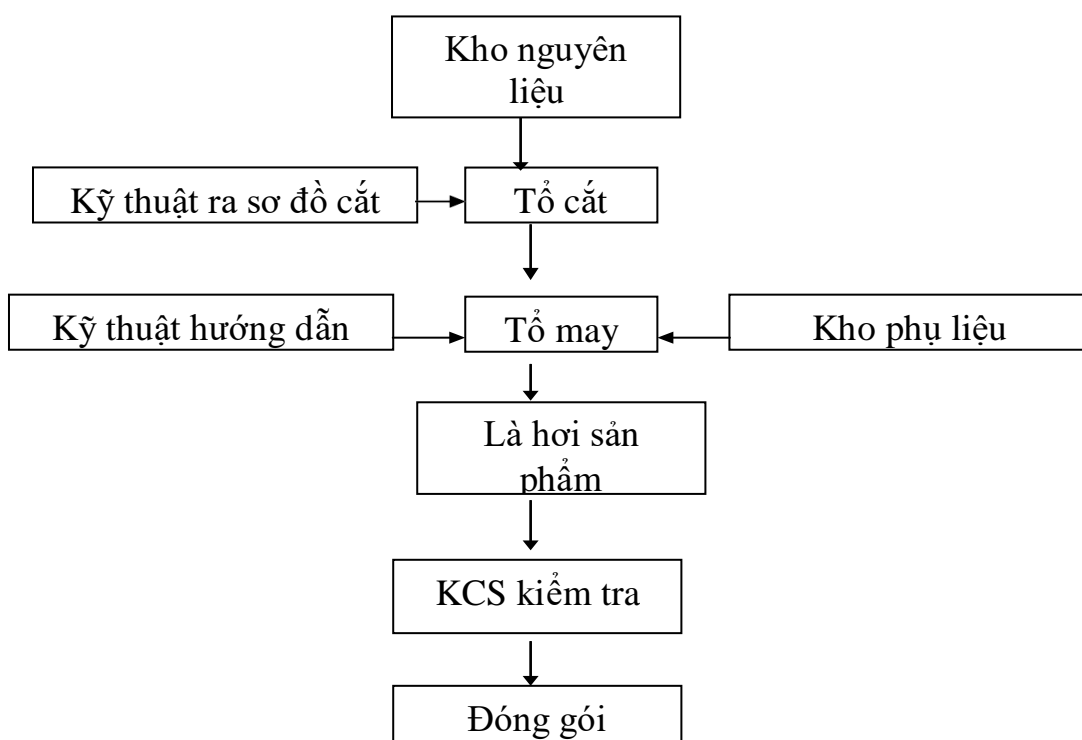
2.1.4.1. Chức năng

- Công ty chủ yếu sản xuất theo đơn đặt hàng
- Đặc điểm quy trình công nghệ của công ty có quy trình sản xuất liên tục, bao gồm nhiều giai đoạn cấu thành với hai hình thức kinh doanh chủ yếu là Sản xuất theo đơn đặt hàng và Mua nguyên liệu tự sản xuất để bán.
- Trong trường hợp Sản xuất theo đơn đặt hàng thì quy trình công nghệ theo 2 bước:

Bước 1: Công ty thiết kế mẫu và may sản phẩm mẫu sau đó gửi cho khách hàng duyệt



Bước 2: Sau khi khách hàng chấp nhận mẫu sản phẩm đưa ra công ty tiến hành đưa xuống phân xưởng sản xuất để sản xuất sản phẩm. Quá trình sản xuất được khép kín trong phân xưởng sản xuất



Sơ đồ 2.3: Khái quát quá trình sản xuất

Trong trường hợp tự mua nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm bán thì công ty tự thiết kế mẫu hoặc theo mẫu mà khách hàng đặt hàng. Phòng kỹ thuật sẽ thiết kế mẫu và gửi cho bộ phận cắt, may. Sản phẩm trong trường hợp này chủ yếu được tiêu thụ trong thị trường nội địa và quy trình công nghệ như trường hợp đơn hàng.

2.1.4.2. Nhiệm vụ

- Công ty sản xuất hầu hết các sản phẩm may mặc. Sản phẩm chủ yếu là các loại quần áo, đa dạng về chủng loại. Một số sản phẩm mà công ty sản xuất trong thời gian gần đây:

- Quần áo thời trang công sở
- Quần áo thể thao
- Quần áo bảo hộ

- Với công nghệ hiện đại, máy móc tiên tiến và đội ngũ công nhân lành nghề, có ý thức trách nhiệm trong công việc có thể đáp ứng được nhu cầu của khách hàng với chất lượng tốt, giá cả cạnh tranh nhất.

2.1.5 Hình thức kế toán, chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty cổ phần may xuất khẩu Việt Thái

2.1.5.1. Chế độ và chính sách kế toán

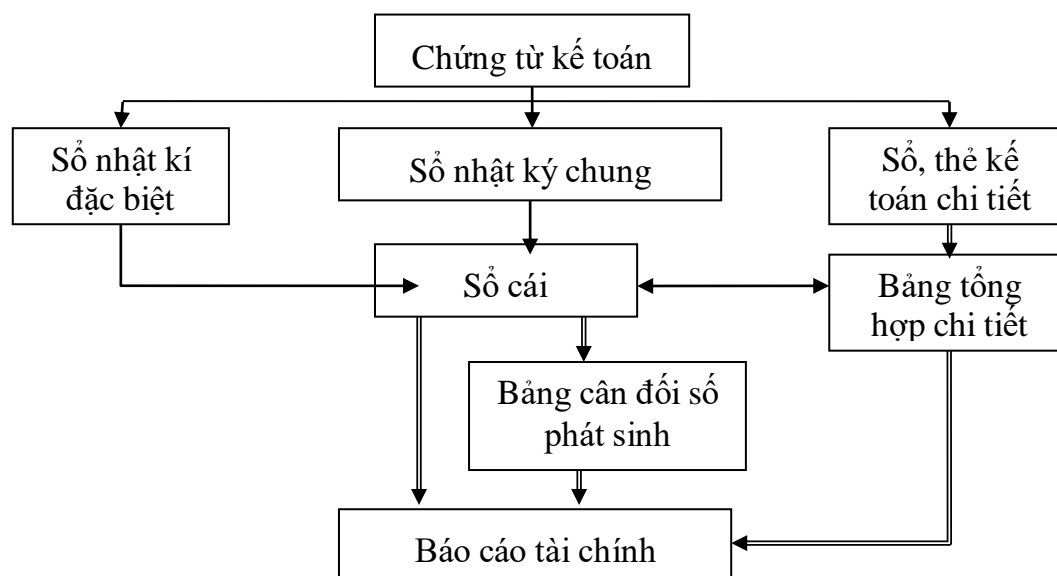
- Chế độ kế toán công ty áp dụng: Theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính.

- Kỳ kế toán: Bắt đầu từ 01/01, kết thúc 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ để ghi chép sổ kế toán: Đồng Việt Nam (VND).
- Chế độ kế toán công ty áp dụng: Theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.
- Cách tính thuế GTGT: Theo phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp trích khấu hao TSCĐ: Phương pháp đường thẳng.
- Phương pháp tính giá vốn: Bình quân gia quyền liên hoàn.

2.1.5.2. Hình thức kế toán tại công ty

-Hình thức kế toán: Nhật kí chung

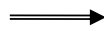


Ghi chú:

Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng hoặc định kỳ



Quan hệ đối chiếu, kiểm tra



Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán tại Công ty CP may xuất khẩu Việt Thái theo hình thức kế toán nhật kí chung

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ nhật ký chung.

Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ nhật ký chung để ghi sổ cái theo các tài khoản kế toán đã phát sinh được ghi trên sổ nhật ký chung. Trong kỳ bạn đã sử dụng bao nhiêu tài khoản thì sẽ có bấy nhiêu sổ cái tương ứng với tài khoản đó.

Cuối tháng cộng số liệu trên sổ cái, lập bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết lập các báo cáo tài chính.

2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần may xuất khẩu Việt Thái.

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty

a, Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01/GTKT3/001)
- Giấy báo có
- Phiếu thu (Mẫu số 01- TT)
- Các chứng từ khác có liên quan

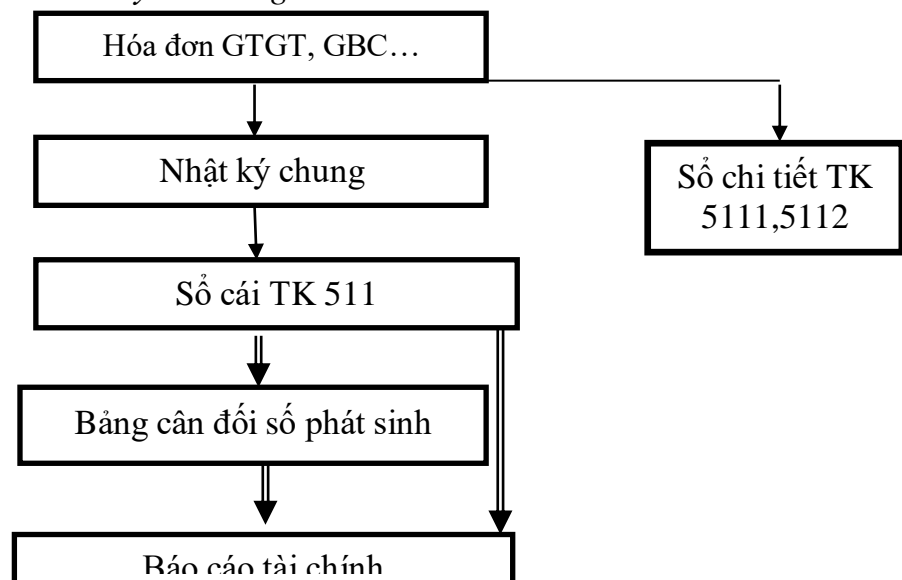
b, Tài khoản sử dụng

Kế toán sử dụng tài khoản 511: “ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

c, Sổ sách sử dụng

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Sổ chi tiết:
 - + TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa
 - + TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm

d, Quy trình luân chuyển chứng từ



Sơ đồ 2.5: Quy trình kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp hàng hóa dịch vụ

- Ghi chú: \longrightarrow Ghi hằng ngày
 \Longrightarrow Ghi cuối tháng hoặc cuối kỳ

e, Khảo sát số liệu thực tế

VD1: Ngày 04/11/2017, xuất bán 1000 chiếc áo sơ mi theo HĐ 0000302 cho công ty TNHH Thanh Hải, đơn giá 250.000đ/ Chiếc (chưa bao gồm VAT 10%). Công ty nhận tiền hàng bằng chuyển khoản.

Nợ TK 112: 275.000.000

Có TK 511: 250.000.000

Có TK 3331: 25.000.000

Căn cứ vào nghiệp vụ phát sinh trên, kế toán viết Hoá đơn GTGT số 0000302 (Biểu số 2.1). Kế toán vào Sổ nhật chung (Biểu số 2.5) và Sổ cái TK 511 (Biểu số 2.6).

VD2: Ngày 27/11/2017, xuất bán 1000 bộ quần áo bảo hộ theo HĐ 0000313 cho công ty TNHH An Tường , đơn giá 700.000đ/ Chiếc (chưa bao gồm VAT 10%). Công ty nhận tiền hàng bằng chuyển khoản.

Nợ TK 112: 770.000.000

Có TK 511: 700.000.000


Có TK 3331: 70.000.000

Căn cứ vào nghiệp vụ phát sinh trên, kế toán viết Hoá đơn GTGT số 0000313 (Biểu số 2.3). Kế toán vào Sổ nhật chung (Biểu số 2.5) và Sổ cái TK 511 (Biểu số 2.6).

Biểu số 2.1 – Hoá đơn GTGT số 0000302

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG					
Liên 3: Nội bộ					Mẫu số 01 GTKT3/001 Ký hiệu: TL/17P Số: 0000302
Ngày 04 tháng 11 năm 2017					
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU VIỆT THÁI					
Mã số thuế: 1000360205					
Địa chỉ: : 142 Phố Quang Trung, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình					
Điện thoại: 0363.831.686		Số tài khoản: 7551103156868			
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty TNHH Thanh Hải					
Mã số thuế : 0201253215					
Địa chỉ: Số 58A- Hoàng Mai- Hà Nội					
Hình thức thanh toán: CK.. Số tài khoản.....					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Áo sơ mi	Chiếc	1000	250.000	250.000.000
Cộng tiền hàng:					250.000.000
Thuế suất GTGT: 10% , Tiền thuế GTGT:					25.000.000
Tổng cộng tiền thanh toán					275.000.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm bảy mươi năm triệu đồng chẵn.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)		Người bán hàng (Ký, đóng dấu ghi rõ họ, tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu ghi rõ họ, tên)	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)</i>					


Biểu 2.2: Giấy báo có số 11/01

 Ngân Hàng Việt Nam Thịnh Vượng	Mẫu số: 01 – VT	
	Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC	
	GIẤY BÁO CÓ	Mã GDV
	Ngày 04/11/2017	Mã KH: 395544
		Số GD: 11
<p>Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi có tài khoản của quý khách hàng với nội dung:</p> <p>Số Tài khoản ghi Nợ: 7551103156868</p> <p>Số tiền bằng số: 275.000.000 đồng</p> <p>Số tiền viết bằng chữ: <i>Hai trăm bảy mươi năm triệu đồng chẵn</i></p> <p>Nội dung: Nhận tiền từ khách hàng</p>		
GIAO DỊCH VIÊN		KIỂM SOÁT VIÊN

Biểu số 2.3 – Hoá đơn GTGT số 0000313

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG					
Liên 3: Nội bộ			Mẫu số 01 GTKT3/001		
Ngày 27 tháng 11 năm 2017			Ký hiệu: TL/17P		
			Số: 0000313		
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU VIỆT THÁI					
Mã số thuế: 1000360205					
Địa chỉ: 142 Phố Quang Trung, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình					
Điện thoại: 0363.831.686		Số tài khoản: 7551103156868			
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: công ty TNHH An Tường					
Mã số thuế: 5700100721					
Địa chỉ: Hồng Thái – Đông Triều – Quảng Ninh					
Hình thức thanh toán: Chuyển khoản..Số tài khoản: 0333764832723					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Quần áo bảo hộ	Bộ	1000	700.000	700.000.000
Cộng tiền hàng:					700.000.000
Thuế suất GTGT: 10% , Tiền thuế GTGT:					70.000.000
Tổng cộng tiền thanh toán					770.000.000
Số tiền viết bằng chữ: Bảy trăm bảy mươi triệu đồng chẵn.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)		Người bán hàng (Ký, đóng dấu ghi rõ họ, tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu ghi rõ họ, tên)	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)</i>					

Biểu 2.4: Giấy báo có số 11/02

	Mẫu số: 01 – VT	
	Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC	
	GIẤY BÁO CÓ	Mã GDV
	Ngày 27/11/2017	Mã KH: 395544
		Số GD: 11
<p>Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi có tài khoản của quý khách hàng với nội dung:</p> <p>Số Tài khoản ghi Nợ: 7551103156868</p> <p>Số tiền bằng số: 770.000.000 đồng</p> <p>Số tiền viết bằng chữ: <i>Bảy trăm bảy mươi triệu đồng chẵn.</i></p> <p>Nội dung: Nhận tiền từ khách hàng</p>		
GIAO DỊCH VIÊN		KIỂM SOÁT VIÊN

Biểu số 2.5 : Trích sổ nhật ký chung**Công ty CP may xuất khẩu Việt Thái****Mẫu số S03a –DNN**

Số 142 Phố Quang Trung, P.Trần Hưng Đạo, Tp. Thái Bình, T.Thái Bình

*(Ban hành theo thông tư 133/2016/TT-BTC Ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)***SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2017

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐU	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày Tháng			Nợ	Có
					
04/11	GBC 11/01	05/11	Thu từ bán hàng cho Cty CP Việt Hàn	111 511 3331	275.000.000	250.000.000 25.000.000
04/11	PXK 00030 52	05/11	Giá vốn	632 155	150.000.000	150.000.000
10/11	GBN 11/01	10/11	Trả lãi vay ngắn hạn cho ngân hàng VPBank	635 112	1.461.519	1.461.519
					
27/11	GBC 11/20	22/11	Thu từ bán hàng cho công ty TNHH An Tường	112 511 3331	770.000.000	700.000.000 70.000.000
					
			Cộng		76.662.317.188	76.662.317.188

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Biểu 2.6: Sổ cái TK 511**Công ty CP may xuất khẩu Việt Thái****Mẫu số S03b –DNN**

Số 142 Phố Quang Trung, P.Trần Hưng Đạo, Tp. Thái Bình, T.Thái Bình

*(Ban hành theo thông tư 133/2016/TT-BTC Ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)***SỔ CÁI**

Tên TK: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu TK : 511

Năm 2017

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh trong kỳ			
					
04/11	PT 0003195	05/11	Thu từ bán hàng cho công ty TNHH Thanh Hải	111		250.000.000
					
27/11	GBC 11/02	18/11	Thu từ bán hàng cho công ty TNHH An Tường	112		700.000.000
					
			Số dư cuối kỳ			
			Cộng phát sinh		12.264.098.676	12.264.098.676

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

2.2.2 Kế toán giá vốn

Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và sử dụng phương pháp nhập trước xuất trước để xác định giá xuất kho hàng hóa.

a) *Tài khoản sử dụng:*

- TK 632: Giá vốn hàng bán
- TK 154 : Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

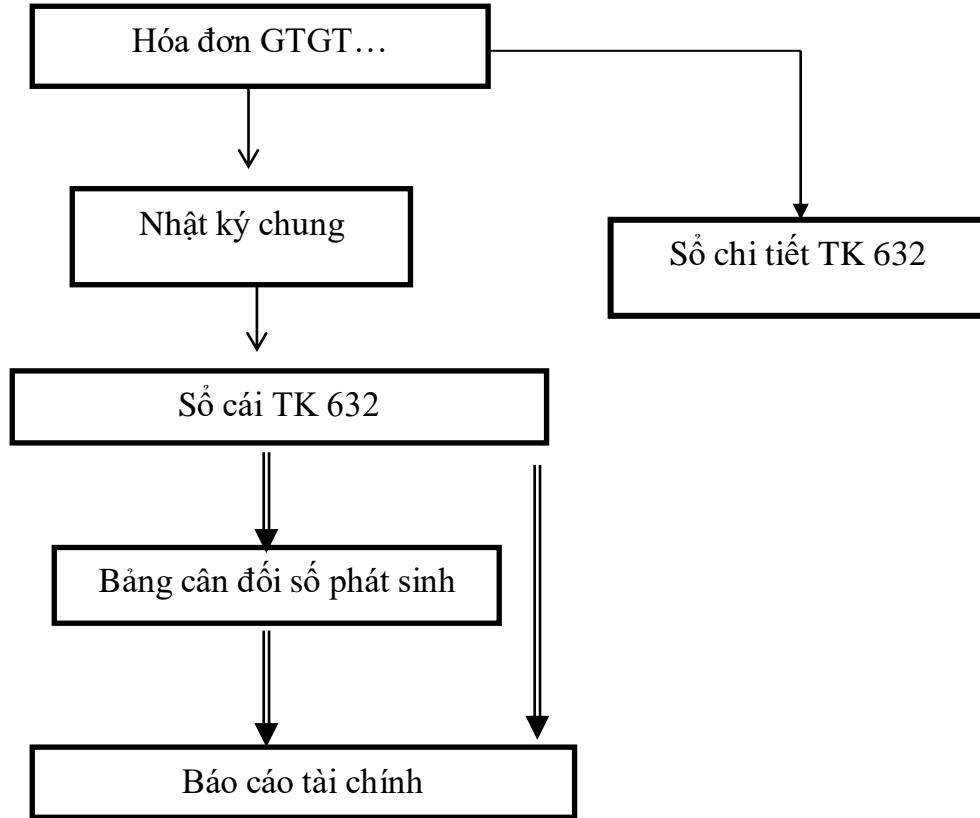
b) *Chứng từ, sổ sách sử dụng:*

- Hoá đơn GTGT
- Các chứng từ khác có liên quan
- Phiếu chi
- Sổ cái TK632, TK154
- Sổ nhật ký chung

c, *Sổ sách sử dụng*

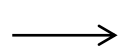
- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái TK 632: giá vốn hàng bán

d, Quy trình luân chuyển chứng từ

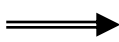


Sơ đồ 2.6: Quy trình kế toán giá vốn hàng bán

Ghi chú:



Ghi hằng ngày



Ghi cuối tháng hoặc cuối kỳ

e, Khảo sát số liệu thực tế

VD1: Ngày 04/11/2017, xuất kho 1000 chiếc áo sơ mi theo HĐ 0000302 cho công ty TNHH Thanh Hải, giá vốn 150.000đ/chiếc.

Nợ TK 632: 150.000.000

Có TK 154: 150.000.000

Căn cứ vào nghiệp vụ phát sinh trên, kế toán đã ghi vào sổ nhật ký chung (biểu số 2.8) và sổ cái TK 632(biểu số 2.9)

VD2: Ngày 27/11/2017, xuất kho 1000 bộ quần áo bảo hộ theo HĐ 0000313 cho công ty TNHH An Tường , đơn giá 300.000đ/ chiếc.

Nợ TK 632:300.000.000

Có TK 154: 300.000.000

Căn cứ vào nghiệp vụ phát sinh trên, kế toán đã ghi vào sổ nhật ký chung (biểu số 2.8) và sổ cái TK 632(biểu số 2.9)

Biểu số 2.7: Phiếu xuất kho số 000352**Công ty CP may xuất khẩu Việt Thái****Mẫu số 02 –VT**

Số 142 Phố Quang Trung, P. Trần Hưng Đạo, Tp. Thái Bình, T. Thái Bình
(Ban hành theo thông tư 133/2016/TT-BTC Ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 04 tháng 11 năm 2017

Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Thị B

Địa chỉ: PKD

Nợ 632

Lý do xuất kho: Bán hàng

Có : 154

Xuất tại kho: công ty

Địa điểm: Thái Bình

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, hàng hóa	Đơn vị	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Yêu cầu	Thực xuất		
1	Áo sơ mi	Cái	1000	1000	150.000	150.000.000
	Cộng					150.000.000

- Tổng số tiền(bằng chữ): *Một trăm năm mươi triệu đồng chẵn.*

- Số chứng từ gốc kèm theo

Người lập phiếu*(Ký, họ tên)***Người nhận hàng***(Ký, họ tên)***Thủ kho***(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)***Giám đốc***(Ký, họ tên)*

Biểu số 2.7: Phiếu xuất kho số 000380

Công ty CP may xuất khẩu Việt Thái

Mẫu số 02 - VT

Số 142 Phố Quang Trung, P. Trần Hưng Đạo, Tp. Thái Bình (Ban hành theo thông tư 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 27 tháng 11 năm 2017

Nợ 632

Có : 154

Số: 000352

Họ và tên người nhận hàng : Nguyễn Văn A

Địa Chỉ: PKD

Lý do xuất kho: Bán hàng

Xuất tại kho: công ty

Địa điểm: Thái Bình

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, hàng hóa	Đơn vị	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	D	1	2	3	4=3x2
1	Bộ quần áo bảo hộ	Bộ	1000	1000	300.000	300.000.000
	Cộng					400.000.000

- Tổng số tiền bằng chữ: Ba trăm triệu đồng chẵn.

- Số chứng từ gốc kèm theo

Người lập
phiếu

(Ký, họ tên)

Người nhận
hàng

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.8: Sổ Nhật ký chung**Công ty CP may xuất khẩu Việt Thái****Mẫu số S03a –DNN**

Số 142 Phố Quang Trung, P.Trần Hưng Đạo, Tp. Thái Bình, T. Thái Bình

(Ban hành theo thông tư 133/2016/TT-BTC Ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
					
04/11	PXK 0003052	05/11	Giá vốn xuất kho cho công ty TNHH Thanh Hải	632 154	150.000.000	150.000.000
					
10/11	GBN 11/01	10/11	Trả lãi vay ngắn hạn cho ngân hàng VPBank	635 112	1.461.519	1.461.519
					
13/11	PC 0003210	13/11	Thanh toán tiền điện tháng 10/2017	642 133 111	1.179.300 117.930	1.297.230
					
27/11	PXK 0003080	22/11	Giá vốn hàng bán cho công ty TNHH An Tường	632 154	90.000.000	90.000.000
					
			Số dư cuối kỳ			
			Cộng		76.662.317.188	76.662.317.188

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Biểu số 2.9: Sổ cái TK 632**Công ty CP may xuất khẩu Việt Thái****Mẫu số S03b –DNN**

Số 142 Phố Quang Trung, P.Trần Hưng Đạo, Tp. Thái Bình, T.Thái Bình

*(Ban hành theo thông tư 133/2016/TT-BTC Ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)***SỔ CÁI**

Năm 2017

Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh trong kỳ			
					
04/11	PXK 00035 2	04/11	Giá vốn hàng bán cho công ty TNHH Thanh Hải	154	20.000.000	
					
27/11	PXK 00030 80	27/11	Giá vốn hàng bán cho công ty TNHH An Tường	154	90.000.000	
					
			Số dư cuối kỳ			
			Cộng phát sinh		10.050.000.000	10.050.000.000

Người ghi sổ*(ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(ký, họ tên)***Giám đốc***(ký, họ tên)*

2.2.3. Chi phí quản lý kinh doanh tại công ty Cổ phần may xuất khẩu Việt Thái

a, Chứng từ sử dụng

- Bảng thanh toán tiền lương (Mẫu số 02-TDTL)
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội (Mẫu số 11-TDTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06-TSCĐ)
- Phiếu chi (Mẫu số 02-TT)
- Các chứng từ khác có liên quan

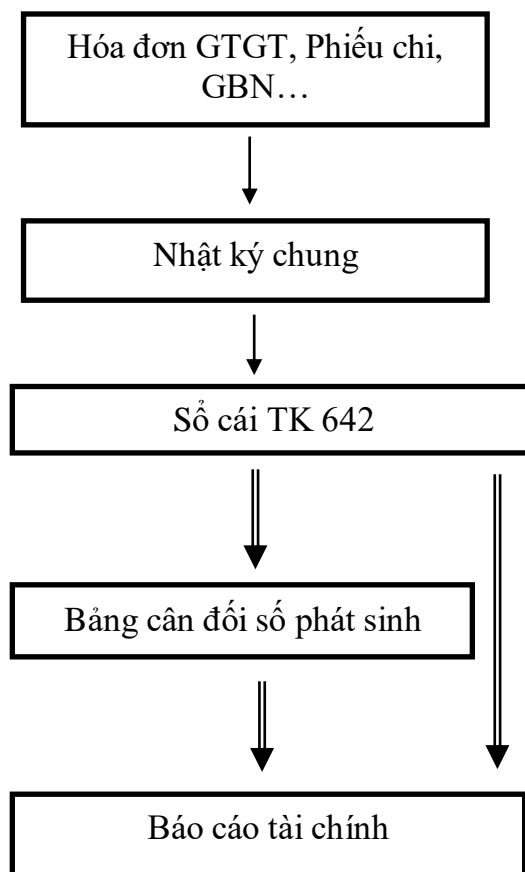
b, Tài khoản sử dụng

Kê toán sử dụng TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh

c, Sổ sách sử dụng

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh

d, Quy trình luân chuyển chứng từ



Sơ đồ 2.7: Quy trình kế toán chi phí quản lý kinh doanh

Ghi chú: \longrightarrow Ghi hằng ngày
 \Longrightarrow Ghi cuối tháng hoặc cuối kỳ

e, Ví dụ minh họa

Ngày 15/11/2017, Công ty thanh toán tiền thuê xe vận chuyển hàng cho công ty Phúc Thịnh với số tiền là 500.000, đã thanh toán bằng tiền mặt.

Nợ TK 642: 500.000

Nợ TK 133: 50.000

Có TK 111: 550.000

Căn cứ vào nghiệp vụ phát sinh trên, Kế toán lập HĐ GTGT số 0001002 (Biểu số 2.10), Phiếu Chi số 3230 (Biểu số 2.11), Sổ nhật ký chung (Biểu số 2.13) và Sổ cái TK 642 (Biểu số 2.14)

Ngày 30/11 kế toán lập bảng thanh toán tiền lương, bảng phân bổ tiền lương của nhân viên của bộ phận quản lý kinh doanh là:

Nợ TK 642: 42.940.000

Nợ TK 154: 636.370.000

Có TK 334: 679.310.000

Nợ TK 642: 7.990.000

Nợ TK 154: 129.821.050

Nợ TK 334: 61.575.150

Có TK 338: 199.386.200

Căn cứ vào nghiệp vụ phát sinh trên kế toán tập hợp Sổ nhật ký chung (biểu số 2.13), Sổ cái 642 (biểu số 2.14)

Biểu số 2.10 – Hoá đơn GTGT số 0001002

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG					
Liên 2: Giao người mua				Mẫu số 01 GTKT3/001 Ký hiệu: AA/17P Số: 0001002	
Ngày 15 tháng 11 năm 2017					
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH thương mại và vận tải Tuấn Hoàn					
Mã số thuế: 0201115723					
Địa chỉ: 20 Phố Lê Lợi, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình					
Điện thoại: 0225.3567768			Số tài khoản: 10923399808013		
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty may xuất khẩu Việt Thái					
Mã số thuế: 1000360205					
Địa chỉ: Số 142 Phố Quang Trung, P. Trần Hưng Đạo, Tp. Thái Bình, T. Thái Bình					
Hình thức thanh toán: TM.. Số tài khoản.....					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6= 4x5
1	Vận chuyển Thái Bình – Hải Phòng				500.000
Cộng tiền hàng:					500.000
Thuế suất GTGT: 10% , Tiền thuế GTGT:					50.000
Tổng cộng tiền thanh toán					550.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Năm trăm năm mươi nghìn đồng chẵn.</i>					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)		Người bán hàng (Ký, đóng dấu ghi rõ họ, tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu ghi rõ họ, tên)	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)</i>					

Biểu số 2.11: Phiếu chi số 0003230**Công ty CP may xuất khẩu Việt Thái****Mẫu số S03b –DNN**

Số 142 Phố Quang Trung, P.Trần Hưng Đạo, Tp. Thái Bình, T.Thái Bình

*(Ban hành theo thông tư 133/2016/TT-BTC Ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)***PHIẾU CHI***Ngày 15 tháng 11 năm 2017*

Quyển số: 05

Số:0003230

Nợ: 642

Có: 133

Có: 111

Họ và tên người nhận: Mai Hồng Anh**Địa chỉ:** Phòng Kế toán**Lý do chi:** Chi tiền xe vận chuyển hàng**Số tiền:** : 550.000**Bằng chữ:** *Năm trăm năm mươi nghìn đồng chẵn.*

Kèm theo... chứng từ gốc

Ngày 15 tháng 11 năm 2017

Giám đốc <i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	Kế toán trưởng <i>(Ký, họ tên)</i>	Thủ quỹ <i>(Ký, họ tên)</i>	Người lập phiếu <i>(Ký, họ tên)</i>	Người nhận tiền <i>(Ký, họ tên)</i>
--	--	---------------------------------------	---	---

Biểu số 2.12: Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội

Công ty CP may xuất khẩu Việt Thái

Mẫu số 11 - LĐTL

Số 142 Phố Quang Trung, P. Trần Hưng Đạo, Tp. Thái Bình, T. Thái Bình

(Ban hành theo thông tư 133/2016/TT-BTC Ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG PHÂN BỐ TIỀN LƯƠNG VÀ BẢO HIỂM XÃ HỘI

Tháng 11 năm 2017

Đơn vị: VNĐ

TT	Bộ phận Ghi Nợ TK	TK 334 – Phải trả người lao động				Lương đóng bảo hiểm	TK 338 – Phải trả khác					Tổng cộng
		Lương tháng	Lương chính	Các khoản khác	Cộng Có TK 334		BHXH (TK 3383)	BHYT (TK 3384)	BHTN (TK 3385)	KPCĐ (TK 3382)	Cộng Có TK 338	
1	TK 642-Chi phí quản lý kinh doanh	30.750.000	3.250.000	8.940.000	42.940.000	34.000.000	5.950.000	1.020.000	340.000	680.000	7.990.000	50.930.000
2	TK 154- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	520.430.000	32.000.000	83.940.000	636.370.000	552.430.000	96.675.250	16.572.900	5.524.300	11.048.600	129.821.050	766.191.050
3	Nợ TK 334						46.914.400	8.796.450	5.846.300		61.575.150	61.575.150
	Tổng cộng	551.180.000	35.250.000	92.880.000	679.310.000	586.430.000	149.539.650	26.389.350	11.728.600	11.728.600	199.386.200	878.696.200

Người lập phiếu
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Biểu số 2.13: Sổ nhật ký chung**Công ty CP may xuất khẩu Việt Thái****Mẫu số S03a –DNN**

Số 142 Phố Quang Trung, P.Trần Hưng Đạo, Tp. Thái Bình, T.Thái Bình

*(Ban hành theo thông tư 133/2016/TT-BTC Ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)***SỔ NHẬT KÍ CHUNG
Năm 2017**

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
					
04/11	PT 0003195	05/11	Thu từ bán hàng cho Cty CP Việt Hàn	111 511 3331	27.500.000	25.000.000 2.500.000
					
15/11	PC 0003210	15/11	Chi tiền thuê xe	154 111	550.000	550.000
28/11	GBC 11/03	25/11	Lãi nhập vốn ngân hàng VPBank	112 515	181.880	181.880
28/11	PC 0003248	28/11	Thanh toán tiền cước điện thoại tháng 11/2017	642 133 111	1.320.187 132.019	1.452.206
					
30/11	BL T11	30/11	Tính tiền lương phải trả T11	642 154 334	42.940.000 636.370.000	679.310.000
30/11	BPBL T11	30/11	Các khoản trích theo lương T11	642 154 334 338	7.990.000 129.821.050 61.575.150	199.386.200
					
			Cộng		908.379.317.188	908.379.317.188

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Biểu số 2.14: Sổ cái TK 642**Công ty CP may xuất khẩu Việt Thái****Mẫu số S03b –DNN**

Số 142 Phố Quang Trung, P.Trần Hưng Đạo, Tp. Thái Bình, T.Thái Bình

*(Ban hành theo thông tư 133/2016/TT-BTC Ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)***SỔ CÁI**
Năm 2017

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
					
15/11	PC00032100	15/11	Thanh toán tiền thuê xe	111	550.000	
					
25/11	PC0003243	25/11	Chi phí thuê văn phòng tháng 11/2017	111	10.000.000	
28/11	PC0003248	28/11	Thanh toán tiền cước điện thoại tháng 11/2017	111	1.320.187	
.....					
30/11	BL T11	30/11	Tính tiền lương phải trả cho NV T11	334	42.940.000	
30/11	BPBL T11	30/11	Các khoản trích theo lương T11	338	7.990.000	
					
			Số dư cuối kỳ			
			Cộng phát sinh		63.952.570	63.952.570

Người ghi sổ
*(ký, họ tên)***Kế toán trưởng**
*(ký, họ tên)***Giám đốc**
(ký, họ tên)

2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại công ty**2.2.4.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính***a, Chứng từ sử dụng*

- Giấy báo có
- Phiếu thu
- Các chứng từ khác có liên quan

b, Tài khoản sử dụng

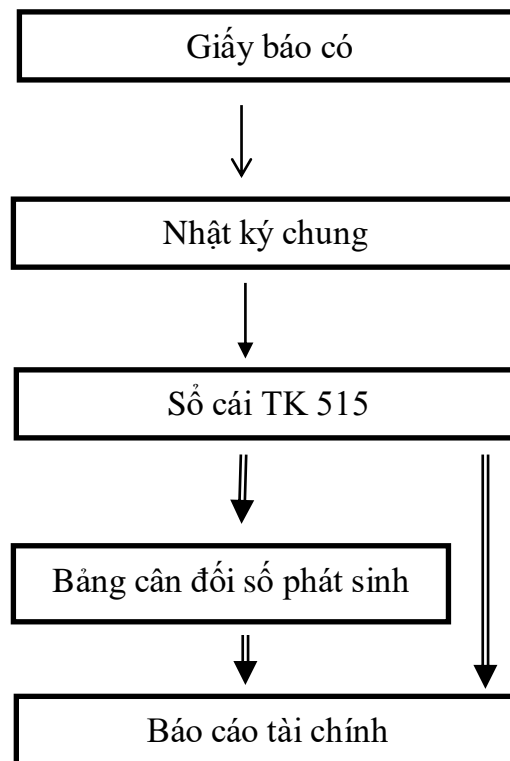
Kế toán sử dụng TK 515: “Doanh thu hoạt động tài chính”

c, Sổ sách sử dụng

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái TK 515

d, Quy trình luân chuyển chứng từ

Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty được thể hiện qua sơ đồ dưới đây:



Sơ đồ 2.7: Quy trình kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Ghi chú: \longrightarrow Ghi hằng ngày
 \Longrightarrow Ghi cuối tháng hoặc cuối kỳ

e, Khảo sát số liệu thực tế

Ngày 25/11, nhận được thông báo về lãi được hưởng tại ngân hàng VP Bank, số tiền: 181.880 đồng.

Nợ TK 112: 181.880

Có TK 515: 181.880

Kế toán căn cứ vào Giấy báo Có của ngân hàng (Biểu số 2.17) để ghi Sổ nhật ký chung (Biểu số 2.18) và Sổ cái TK 515 (Biểu số 2.19).

Biểu số 2.17: Giấy báo có 11/33



Mã GDV

Mã KH: 395544

SỐ GD: 05

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 25/11/2017

Kính gửi: Công ty Cổ phần may xuất khẩu Việt Thái

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi có tài khoản của quý khách hàng với nội dung:

Số Tài khoản ghi Có: 13922616

Số tiền bằng số: 181.880 đồng

Số tiền viết bằng chữ: Một trăm tám mươi một nghìn tám trăm tám mươi đồng./

Nội dung: #Lãi nhập gốc tháng 11#

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT VIÊN

Biểu số 2.18: Sổ Nhật ký chung**Công ty CP may xuất khẩu Việt Thái****Mẫu số S03a –DNN**

Số 142 Phố Quang Trung, P. Trần Hưng Đạo, Tp. Thái Bình, T. Thái Bình
(Ban hành theo thông tư 133/2016/TT-BTC Ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG**Năm 2017**

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
....
10/11	GBN 11/01	10/11	Trả lãi vay ngắn hạn cho ngân hàng VPBank	635 112	1.461.519	1.461.519
....
28/11	GBC 11/33	25/11	Lãi nhập vốn ngân hàng VPBank	112 515	181.880	181.880
					
30/11	BL T11	30/11	Tính tiền lương phải trả cho NV T11	642 154 334	42.940.000 636.370.000	679.310.000
....
			Cộng		76.662.317.188	76.662.317.188

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Biểu số 2.19: Sổ cái TK 515**Công ty CP may xuất khẩu Việt Thái****Mẫu số S03b –DNN**

Số 142 Phố Quang Trung, P.Trần Hưng Đạo, Tp. Thái Bình, T. Thái Bình (Ban hành theo thông tư 133/2016/TT-BTC Ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2017

Tài khoản 515

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh trong kỳ			
....
25/11	GBC 11/33	25/11	Lãi nhập vốn nhân hàng VP Bank	112		181.880
....
30/11	PKT 11/01	30/11	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	181.880	
			Số dư cuối kỳ			
			Cộng phát sinh		181.880	181.880

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

2.2.4.2 Kế toán chi phí tài chính

a, Chứng từ sử dụng

- Phiếu tính lãi đi vay
- Giấy báo nợ
- Phiếu chi (Mẫu số 02-TT)

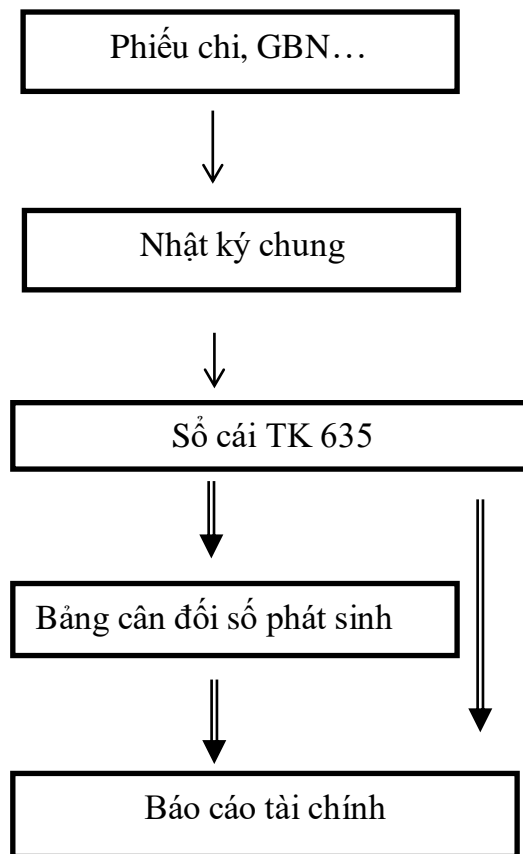
b, Tài khoản sử dụng

Kế toán sử dụng TK 635: “Chi phí tài chính”

c, Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 635

d, Quy trình luân chuyển chứng từ



Sơ đồ 2.8: Quy trình kế toán chi phí tài chính

- Ghi chú:
 —————> Ghi hàng ngày
 =====> Ghi cuối tháng hoặc cuối kỳ

e, Khảo sát số liệu thực tế

Ngày 10/11/2017, Giấy báo nợ 11/01 trả lãi vay ngắn hạn cho ngân hàng VPBank số tiền 1.461.519 đồng.

Nợ TK 635: 1.461.519

Có TK 112: 1.461.519

Kế toán căn cứ vào Giấy báo Nợ của ngân hàng (Biểu số 2.20) để ghi Sổ nhật ký chung (Biểu số 2.21) và Sổ cái TK 515 (Biểu số 2.22).

Biểu số 2.21: Giấy báo nợ 11/01



Mã GDV
Mã KH: 395544
SỐ GD: 11/01

GIẤY BÁO NỢ

Ngày 10/11/2017

Kính gửi: Công ty Cổ phần may xuất khẩu Việt Thái

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi nợ tài khoản của quý khách hàng với nội dung:

Số Tài khoản ghi Nợ: 13922616

Số tiền bằng số: 1.461.519 đồng

Số tiền viết bằng chữ: Một triệu bốn trăm sáu mươi một nghìn năm trăm mười chín đồng.

Nội dung: Trả lãi vay ngắn hạn.

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT VIÊN

Biểu số 2.22: Sổ Nhật ký chung**Công ty CP may xuất khẩu Việt Thái****Mẫu số S03a –DNN**

Số 142 Phố Quang Trung, P.Trần Hưng Đạo, Tp. Thái Bình, T. Thái Bình
(Ban hành theo thông tư 133/2016/TT-BTC Ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG**Năm 2017**

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
.....
10/11	GBN 11/01	10/11	Trả lãi vay ngắn hạn cho ngân hàng VPBank	635 112	1.461.519	1.461.519
					
13/11	PC 0003210	13/11	Thanh toán tiền điện tháng 10/2017	642 133 111	1.179.300 117.930	1.297.230
.....
28/11	GBC 11/03	25/11	Lãi nhập vốn ngân hàng VPBank	112 515	181.880	181.880
					
			Cộng		76.662.317.188	76.662.317.188

Người ghi sổ*(ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(ký, họ tên)***Giám đốc***(ký, họ tên)*

2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

Trong tháng 11/2017, công ty không phát sinh các khoản thu nhập khác và chi phí khác.

2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh*a, Chứng từ sử dụng*

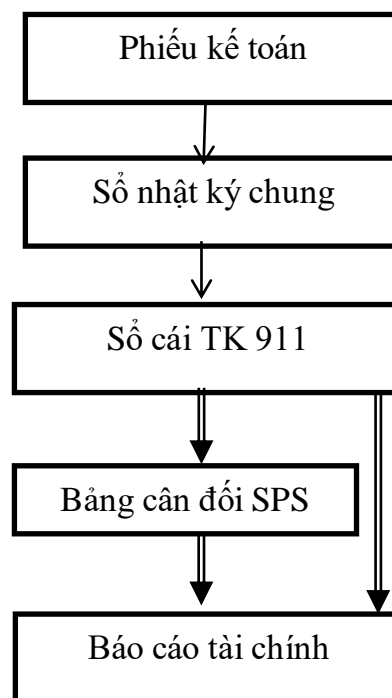
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

b, Tài khoản sử dụng

Kế toán sử dụng TK 911: “ Xác định kết quả kinh doanh”

c, Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 911- Xác định kết quả kinh doanh
- Sổ cái TK 421- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

d, Quy trình luân chuyển chứng từ

Sơ đồ 2.9 : Quy trình kế toán xác định kết quả kinh doanh

Ghi chú: —————>

Ghi hằng ngày

=====>

Ghi cuối tháng hoặc cuối kỳ

e, Khảo sát số liệu thực tế

Ngày 30/11/2017, kế toán tập hợp toàn bộ doanh thu và chi phí phát sinh trong tháng để xác định kết quả kinh doanh:

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 12.264.098.676
2. Doanh thu hoạt động tài chính: 181.880
3. Giá vốn hàng bán: 10.050.000.00
4. Chi phí quản lý kinh doanh: 563.952.570
5. Chi phí tài chính: 1.461.519

- Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp hàng hóa dịch vụ; doanh thu hoạt động tài chính sang bên Có TK 911:

Nợ TK 511: 12.264.098.676

Nợ TK 515: 181.880

Có TK 911: 12.264.280.556

- Kết chuyển giá vốn hàng bán, chi phí tài chính, chi phí quản lý kinh doanh sang bên Nợ TK 911:

Nợ TK 911: 10.615.414.089

Có TK 632: 10.050.000.000

Có TK 635: 1.461.519

Có TK 642: 563.952.570

- Xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành nộp trong tháng 11

Nợ TK 8211: 329.773.293

Có TK 3334: 329.773.293

- Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:

Nợ TK 911: 329.773.293

Có TK 8211: 329.773.293

- Kết chuyển lãi sau thuế:

Nợ TK 911: 1.319.093.174

Có TK 421: 1.319.093.174

Biểu số 2.24: Phiếu kế toán 11/01- Kết chuyển doanh thu**Công ty CP may xuất khẩu Việt Thái**

Số 142 Phố Quang Trung, P. Trần Hưng Đạo, Tp. Thái Bình, T. Thái Bình

PHIẾU KẾ TOÁN

Năm 2017

Số: 11/01

Diễn giải: Kết chuyển doanh thu, thu nhập tháng 11 năm 2017

STT	Tài khoản	Nội dung	Số tiền	
			Nợ	Có
1	511	Doanh thu bán hàng và cung cấp hàng hóa dịch vụ	12.264.098.676	
2	515	Doanh thu hoạt động tài chính	181.880	
3	911	Xác định kết quả kinh doanh		12.264.280.556

Số tiền: 12.264.280.556 đồng**Bằng chữ:** Mười hai tỉ hai trăm sáu mươi tư triệu hai trăm tám mươi nghìn năm trăm năm mươi sáu đồng.

Kèm theo..... chứng từ gốc

Người lập
(Ký, họ tên)**Kế toán trưởng**
(ký, họ tên)

Biểu số 2.25: Phiếu kế toán 11/02- Kết chuyển chi phí**Công ty CP may xuất khẩu Việt Thái**

Số 142 Phố Quang Trung, P.Trần Hưng Đạo, Tp. Thái Bình, T.Thái Bình

PHIẾU KẾ TOÁN

Năm 2017

Số: 11/02

Diễn giải: Kết chuyển chi phí trong tháng 11 năm 2017

STT	Tài khoản	Nội dung	Số tiền	
			Nợ	Có
1	911	Xác định kết quả kinh doanh	10.615.414.089	
2	632	Giá vốn hàng bán		10.050.000.000
3	635	Chi phí tài chính		1.461.519
4	642	Chi phí quản lý kinh doanh		563.952.570

Số tiền: 10.615.414.089 đồng**Bằng chữ:** Mười tỉ sáu trăm mười năm triệu bốn trăm mười bốn nghìn không trăm tám mươi chín đồng.

Kèm theo... chứng từ gốc

Người lập*(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(ký, họ tên)*

Biểu số 2.26: Phiếu kế toán 11/03- Tính thuế TNDN phải nộp**Công ty CP may xuất khẩu Việt Thái**

Số 142 Phố Quang Trung, P.Trần Hưng Đạo, Tp. Thái Bình, T.Thái Bình

PHIẾU KẾ TOÁN

Năm 2017

Số 11/03

Diễn giải: Tính thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong tháng 11 năm 2017

STT	Tài khoản	Nội dung	Số tiền	
			Nợ	Có
1	8211	Chi phí thuế TNDN hiện hành	329.773.293	
2	3334	Thuế TNDN		329.773.293

Số tiền: 329.773.293 đồng**Bằng chữ:** Ba trăm hai mươi chín triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn hai trăm chín mươi ba đồng.

Kèm theo... chứng từ gốc.

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Biểu số 2.27: Phiếu kế toán 11/04- K/c chi phí thuế TNDN**Công ty CP may xuất khẩu Việt Thái**

Số 142 Phố Quang Trung, P.Trần Hưng Đạo, Tp. Thái Bình, T.Thái Bình

PHIẾU KẾ TOÁN

Năm 2017

Số 11/04

Diễn giải: Kết chuyển thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong tháng 11 năm 2017

STT	Tài khoản	Nội dung	Số tiền	
			Nợ	Có
1	911	Xác định kết quả kinh doanh	329.773.293	
2	8211	Chi phí thuế TNDN hiện hành		329.773.293

Số tiền: 329.773.293 đồng**Bằng chữ:** Ba trăm hai mươi chín triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn hai trăm chín mươi ba đồng.

Kèm theo... chứng từ gốc

Người lập
(Ký, họ tên)**Kế toán trưởng**
(ký, họ tên)

Biểu số 2.28: Phiếu kế toán 11/05- Kết chuyển lãi**Công ty CP may xuất khẩu Việt Thái**

Số 142 Phố Quang Trung, P. Trần Hưng Đạo, Tp. Thái Bình, T. Thái Bình

PHIẾU KẾ TOÁN

Tháng 11 năm 2017

Số: 11/05

Diễn giải: Kết chuyển lãi tháng 11 năm 2017

STT	Tài khoản	Nội dung	Số tiền	
			Nợ	Có
1	911	Xác định kết quả kinh doanh	1.319.093.174	
2	421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.319.093.174

Số tiền: 1.319.093.174 đồng**Bằng chữ:** Một tỉ ba trăm mười chín triệu không trăm chín mươi ba nghìn một trăm bảy mươi tư đồng.

Kèm theo..... chứng từ gốc

Người lập*(ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(ký, họ tên)*

Biểu số 2.29: Sổ Nhật ký chung

Công ty CP may xuất khẩu Việt Thái

Mẫu số S03a –DNN

Số 142 Phó Quang Trung,P.Trần Hưng Đạo,Tp. Thái Bình,T.Thái Bình

(Ban hành theo thông tư 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)**SỔ NHẬT KÝ CHUNG****Năm 2017**

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
					
10/11	GBN 11/01	10/11	Trả lãi vay ngắn hạn cho ngân hàng VPBank	635 112	1.461.519	1.461.519
13/11	PC 0003210	13/11	Thanh toán tiền điện tháng 10/2017	642 133 111	1.179.300 117.930	1.297.230
					
30/11	PKT 11/01	30/11	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính	511 515 911	12.264.098.676 181.880	12.264.280.556
30/11	PKT 11/02	30/11	Kết chuyển giá vốn hàng bán, chi phí QLKD, chi phí tài chính	911 632 635 642	10.615.414.089	10.050.000.000 61.519 563.952.570
30/11	PKT 11/03	30/11	Tính thuế TNDN phải nộp T11	8211 3334	329.773.293	329.773.293
30/11	PKT 11/04	30/11	Kết chuyển thuế TNDN phải nộp sang TK 911	911 8211	329.773.293	329.773.293
30/11	PKT 11/05	30/11	Kết chuyển lãi trong kỳ	911 421	1.319.093.174	1.319.093.174
			Cộng		76.662.317.188	76.662.317.188

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Biểu số 2.30: Sổ cái TK 911- Xác định kết quả kinh doanh**Công ty CP may xuất khẩu Việt Thái****Mẫu số S03b –DNN**

Số 142 Phố Quang Trung, P.Trần Hưng Đạo, Tp. Thái Bình, T.Thái Bình (Ban hành theo thông tư 133/2016/TT-BTC Ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

năm 2017

TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số đầu kỳ			
			Số phát sinh			
					
30/11	PKT 11/01	30/11	Kết chuyển doanh thu	511 515		12.264.098.667 181.880
30/11	PKT 11/02	30/11	Kết chuyển GVHB, quản lý kinh doanh, chi phí tài chính	632 635 642	10.050.000.000 1.461.519 563.952.570	
30/11	PKT 11/04	30/11	Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	821	329.773.293	
30/11	PKT 11/05	30/11	Kết chuyển lãi sang TK 421	421	1.319.093.174	
			Số dư cuối kì			
			Cộng phát sinh		12.264.280.556	12.264.280.556

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám Đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.31: Sổ cái TK 421- Lợi nhuận chưa phân phối**Công ty CP may xuất khẩu Việt Thái****Mẫu số S03b –DNN**

Số 142 Phố Quang Trung, P.Trần Hưng Đạo, Tp. Thái Bình, T. Thái Bình
(Ban hành theo thông tư 133/2016/TT-BTC Ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2017

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

Tài khoản: 421

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
.....
30/11	PKT 11/05	30/11	Kết chuyển lãi tháng 11 năm 2017	911		1.319.093.174
.....
			Cộng phát sinh			1.319.093.174
			Số dư cuối tháng			1.319.093.174

Người ghi sổ*(ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(ký, họ tên)***Giám đốc***(ký, họ tên)*

CHƯƠNG 3**MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU VIỆT THÁI****3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần may xuất khẩu Việt Thái**

Trong nền kinh tế hiện nay, mỗi doanh nghiệp hoạt động đều có mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận của mình. Do đó, công tác quản lý chi phí là vô cùng quan trọng trong việc xác định kết quả kinh doanh của đơn vị. Công tác quản lý chi phí càng tốt thì hiệu quả kinh doanh tại đơn vị càng cao và ngược lại. Qua một thời gian nghiên cứu và tìm hiểu tình hình thực tế về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần, trên cơ sở những lý luận cơ bản và những kiến thức em đã được học em xin nêu lên một nhận xét về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty như sau:

3.1.1 Ưu điểm

- Bộ máy kế toán: Bộ máy kế toán rất gọn nhẹ phù hợp với việc phân công công việc với phân công lao động cụ thể, trách nhiệm, nhiệm vụ cho từng cán bộ kế toán. Mọi phần hành của công tác kế toán đều có người theo dõi, thực hiện đầy đủ đúng nội quy... Đội ngũ cán bộ kế toán có trình độ, năng lực, nhiệt tình, được bố trí hợp lý tạo điều kiện nâng cao trách nhiệm công việc được giao, đáp ứng yêu cầu căn bản về công tác hạch toán kinh doanh nói chung và hạch toán chi phí nói riêng.

Hình thức kế toán: Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung là phù hợp. Đây là hình thức sổ kế toán đơn giản, giúp cho kế toán thuận tiện trong việc ghi chép, xử lý số liệu kế toán mà còn tiết kiệm được thời gian và công sức, tạo điều kiện cho việc cung cấp thông tin đầy đủ kịp thời. Với sự hỗ trợ của kế toán máy Excel, việc ghi chép, phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được nhanh chóng hơn, tiết kiệm thời gian và công sức.

Chứng từ kế toán sử dụng: Công ty sử dụng đúng chứng từ theo Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT -BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính). Chứng từ kế toán của công ty được

lập rõ ràng, chính xác theo nội dung quy định trên mẫu. Chứng từ kế toán của công ty được lập theo đúng nội dung của nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh, đúng số liên theo quy định, được lập sạch sẽ, không tẩy xóa, sửa chữa, chữ viết liên tục, có đủ chữ ký, dấu theo quy định.

Sổ sách kế toán sử dụng: Sổ sách kế toán của công ty được lập rõ ràng, chính xác, theo mẫu hướng dẫn của Nhà nước. Không cứng nhắc theo các mẫu sổ kế toán được quy định, kế toán công ty còn sáng tạo, tìm tòi lập ra nhưng sổ kế toán mới phù hợp với đặc điểm kinh doanh, tình hình thực tế, yêu cầu quản lý của công ty nhưng vẫn tuân thủ theo đúng quy định, phản ánh đúng, chính xác, minh bạch nội dung nghiệp vụ kinh tế, tăng hiệu quả giám sát, quản lý và đối chiếu.

Công ty sử dụng vốn tương đối có hiệu quả, không có tình trạng nợ tồn đọng nhà nước quá nhiều, cơ chế đãi ngộ và lương thưởng cho nhân viên rõ ràng. Công ty khai đúng số thuế phải nộp, thuế doanh thu, thuế lợi tức... và nộp đầy đủ kịp thời theo quy định Nhà nước ban hành.

3.1.2 Nhược điểm

Bên cạnh những ưu điểm trên, công tác kế toán tại công ty cũng khó tránh khỏi một số hạn chế. Sau đây là hạn chế của Công ty :

❖ Về hình thức kế toán

Công ty vẫn áp dụng kế toán thủ công dùng trên Excel nên đôi khi vẫn có những sai sót về số liệu. Vì vậy Công ty nên áp dụng phần mềm kế toán, phần mềm sẽ giúp kế toán hạch toán chính xác hơn, đảm bảo tính chính xác và kịp thời.

❖ Về hệ thống sổ kế toán

Công ty nên mở sổ chi tiết cho 642 để theo dõi chi tiết và cụ thể hơn các khoản mục và yếu tố chi phí.

Kế toán nên mở sổ chi tiết thanh toán với người mua (người bán) và bảng tổng hợp thanh toán với người mua (người bán). Sẽ giúp kế toán dễ dàng theo dõi tình hình công nợ, hoạt động kinh doanh của khách hàng với công ty, nhà cung cấp. Hơn nữa ban lãnh đạo công ty dễ dàng nắm bắt được tình hình công nợ phải thu hoặc nợ phải trả để từ đó đề ra các chính sách, các giải pháp phù hợp, kịp thời.

❖ Về quy trình luân chuyển chứng từ và hạch toán kế toán

Về cơ bản, mọi chứng từ đều được luân chuyển giữa các phòng ban đúng trình tự. Tuy nhiên, giữa các phòng ban không có phiếu giao nhận chứng từ, vì thế khi xảy ra mất mát chứng từ thì không biết quy trách nhiệm cho ai để xử lý.

3.2 Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần may xuất khẩu Việt Thái

3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Trong cơ chế thị trường nhiều biến động như hiện nay cùng với sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp thì thành bại của một doanh nghiệp là điều tất yếu. Do vậy, các doanh nghiệp rất cần các thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời về tình hình lỗ lãi thực tế của doanh nghiệp. Từ đó, doanh nghiệp sẽ đưa ra các biện pháp để giải quyết, khắc phục các vấn đề nảy sinh trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp.

Hiện nay, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty chưa được hoàn thiện gây khó khăn cho công tác quản lý do thông tin về giá vốn,

chi phí giá thành chưa được đầy đủ, chi tiết, chính xác. Vì vậy, việc hoàn thiện tổ chức kế toán này sẽ giúp cung cấp số liệu chính xác, có độ tin cậy cao, đúng với chế độ chính sách hiện hành từ đó giúp kế toán lập báo cáo tài chính nói chung và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng một cách trung thực, hợp lý đồng thời giúp nhà quản trị nhận định được tình hình kinh doanh của công ty tốt hay xấu, có đạt được kết quả mong muốn hay không, tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước như thế nào và có đưa ra các biện pháp nhằm thúc đẩy việc tiêu thụ sản phẩm, tiết kiệm chi phí nhằm tăng lợi nhuận. Do vậy hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có một ý nghĩa rất quan trọng.

3.2.1. Điều kiện thực hiện các biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty

- Công ty cần có đội ngũ nhân viên kế toán không những nắm vững các nghiệp vụ kinh tế, luật kinh tế, tài chính doanh nghiệp mà còn có sự hiểu biết về phân mềm kế toán trong phân tích, phản ánh, xử lý các nghiệp vụ kinh tế

phát sinh tại đơn vị và lập các báo cáo tài chính. Hơn nữa, nhân viên kế toán còn phải là người có trách nhiệm, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời về mọi mặt của hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp, phục vụ kịp thời cho chỉ đạo quá trình kinh doanh.

3.2.2 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty

Trước những yêu cầu hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán của công ty cho phù hợp với chế độ của Nhà nước, phù hợp với trình độ chuyên môn của cán bộ kế toán công ty. Qua quá trình thực tập tại công ty, trên cơ sở tìm hiểu, nghiên cứu tình hình thực tế cũng như các vấn đề lý luận đã được học, em nhận thấy trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty còn có những hạn chế mà nếu được khắc phục thì phần hành kế toán này của công ty sẽ được hoàn thiện hơn. Em xin đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại công ty như sau:

Giải pháp 1 : Hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán tại Công ty

Hiện nay công ty nên mở sổ cái TK 642 để theo dõi chi phí quản lý kinh doanh trong đó chưa theo dõi được các yếu tố chi phí. Công ty nên mở sổ chi tiết cho 642 để theo dõi chi tiết và cụ thể hơn các khoản mục và yếu tố chi phí.

Công ty nên sử dụng các mẫu Sổ chi phí sản xuất kinh doanh theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính.

Lấy lại ví dụ phần quản lý kinh doanh từ đó kế toán ghi sổ chi phí sản xuất kinh doanh.

Biểu 3.1 : Sổ chi phí sản xuất kinh doanh 6421**Công ty CP may xuất khẩu Việt Thái***Số 142 Phố Quang Trung, P.Trần Hưng Đạo, Tp. Thái Bình, T.Thái Bình***Mẫu số S17 – DNN***(Ban hành theo thông tư 133/2016/TT-BTC Ngày**26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)***SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Tài khoản: 6421 – Chi phí bán

hàng

Tên sản phẩm, dịch vụ

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi Nợ TK 6421					
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra			Khấu hao	Dịch vụ mua ngoài
						Lương	Vật liệu	CCDC		
			- Số dư đầu kỳ		-					
			- Số phát sinh							
15/11/2017			Tiền xe vận chuyển hàng	111	550.000			
30/11/2017			Tính lương trả bộ phần bán hàng	334	24.500.000	24.500.000				
30/11/2017			Các khoản trích theo lương	338	5.640.000	5.640.000				
									
			- Cộng phát sinh		420.000.000	30.140.000	200.000.000	85.000.000	18.012.849
			- Ghi Có TK 6421		420.000.000					
			- Số dư cuối kỳ		-					

Biểu 3.2 : Sổ chi phí sản xuất kinh doanh 6422**Công ty CP may xuất khẩu Việt Thái****Mẫu số S17 – DNN**

Số 142 Phố Quang Trung, P. Trần Hưng Đạo, Tp. Thái Bình, T. Thái Bình

(Ban hành theo thông tư 133/2016/TT-BTC Ngày
26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**Tài khoản: 6422 – Chi phí quản lý doanh
nghiệp

Tên sản phẩm, dịch vụ:

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi Nợ TK 642			Chia ra	Dịch vụ mua ngoài		
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Lương	Vật liệu				CCDC	Khấu hao
			- Số dư đầu kỳ		-							
			- Số phát sinh									
10/11/2017			Trả tiền cước điện thoại		1.589.000							
30/11/2017			Tính lương trả bộ phận quản lý		18.440.000	18.440.000						
30/11/2017			Các khoản trích theo lương		2.350.000	2.350.000						
30/11/2017			Trả cước internet		396.500							
											
			- Cộng phát sinh		143.952.570	20.790.000		12.000.000		81.000.000		
			- Ghi Có TK 642		143.952.570							
			Số dư cuối kỳ									

Giải pháp 2 : Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ

Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban, bộ phận. Mỗi khi luân chuyển chứng từ thì các bên giao và nhận chứng từ đều phải ký vào sổ. Nếu xảy ra mất mát chứng từ cũng dễ quy trách nhiệm cho đúng người, đúng bộ phận để có biện pháp xử lý. Việc làm này giúp quản lý chặt chẽ các chứng từ của công ty, hơn nữa cũng nâng cao tinh thần trách nhiệm cho các cán bộ công nhân viên đối với quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung.

Biểu 3.3 – Sổ giao nhận chứng từ

Công ty CP may xuất khẩu Việt Thái

Số 142 Phố Quang Trung, P.Trần Hưng Đạo, Tp. Thái Bình, T.Thái Bình

SỔ GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Thángnăm....

Ngày, tháng	Loại chứng từ	Ngày tháng chứng từ	Số tiền trên chứng từ	Ký tên	
				Bên giao	Bên nhận

Giải pháp 3: Đưa phần mềm kế toán vào công tác kế toán

Tổ chức công tác kế toán diễn ra một cách thuận lợi thì nhân viên kế toán không những có trình độ chuyên môn, hiểu được quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bên cạnh đó phải có kiến thức về công nghệ mới, áp dụng được khoa học công nghệ vào công việc.

Công ty nên áp dụng khoa học kỹ thuật vào công tác kế toán bằng việc sử dụng phần mềm kế toán chuyên nghiệp. Hiện nay có rất nhiều phần mềm kế toán như phần mềm kế toán MISA, BRAVO, FAST, SASINNOVA,... Công ty nên chọn một phần mềm kế toán phù hợp với đặc điểm của Công ty. Việc áp dụng phần mềm kế toán để giảm bớt công việc của kế toán giúp cho kế toán có thể đưa ra các báo cáo nhanh chóng, chính xác nhất phục vụ cho công tác quản trị của ban Giám đốc. Giúp ban Giám đốc có thể đưa ra quyết định kinh doanh kịp thời tạo lợi thế cho doanh nghiệp trong kinh doanh.

Các phần mềm kế toán đều có chức năng lưu trữ các báo cáo với các mục đích khác nhau, theo dõi công nợ, thanh toán cho nhà cung cấp và quản lý bảng lương nhân viên,... giúp cho việc theo dõi, kiểm tra của nhà quản lý được thuận lợi và dễ dàng hơn. Một số giao diện về phần mềm:



Hình 1: Giao diện phần mềm kế toán MISA

Biểu 3.2: Bảng báo giá phần mềm kế toán MISA SME.NET2015

– Thông tin về giá:

Stt	Gói sản phẩm/dịch vụ	Đơn vị tính	Giá	Mô tả chi tiết
1	Express	Gói	Miễn phí	Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2015 - đầy đủ 16 phân hệ. Số lượng chứng từ được nhập vào phần mềm tối đa 150 chứng từ/năm.
2	Starter	Gói	2,950,000	Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2015 - đầy đủ 16 phân hệ. Số lượng chứng từ được nhập vào phần mềm tối đa 1000 chứng từ/năm.
3	Standard	Gói	6,950,000	Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2015 - 11 phân hệ. Không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào phần mềm hàng tháng.
4	Professional	Gói	8,950,000	Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2015 - 13 phân hệ. Không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào phần mềm hàng tháng.
5	Enterprise	Gói	10,950,000	Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2015 - đầy đủ 16 phân hệ. Không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào phần mềm hàng tháng.

(Theo thông tin đơn vị cung cấp: Công ty CP Misa)

KẾT LUẬN

Trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay việc tổ chức hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có một vai trò rất lớn trong công tác quản lý của doanh nghiệp. Nếu hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đúng đắn, chính xác sẽ xác định được hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty. Từ đó các nhà quản lý doanh nghiệp có những biện pháp thúc đẩy quá trình tuần hoàn vốn, mở rộng sản xuất tăng thu nhập.

Khoá luận: **“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần may xuất khẩu Việt Thái”** đã giải đáp được các vấn đề sau về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

1, Về mặt lý luận khoá luận đã nêu lên được những nét chính, nét cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

2, Về mặt thực tiễn: Khoá luận đã phản ánh tình hình số liệu, công tác tổ chức hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty Cổ phần may xuất khẩu Việt Thái năm 2017 để chứng minh cho khoá luận.

3, Về những biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở công ty Cổ phần may xuất khẩu Việt Thái khoá luận đã đi sâu tìm hiểu, nghiên cứu, đánh giá về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty, từ đó nêu ra những kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tập trung vào: Tổ chức bộ máy kế toán, tổ chức hệ thống sổ sách kế toán, ghi chép, hạch toán.

Với thời gian thực tập ngắn, kiến thức bản thân có hạn, vấn đề nghiên cứu thì rộng, tổng hợp, song được giúp đỡ, tận tình chỉ bảo của các cô chú, anh chị trong phòng kế toán tại công ty Cổ phần may xuất khẩu Việt Thái và sự hướng dẫn nhiệt tình của Gv-Th.s Phạm Văn Tường đã giúp em hoàn thành được bài khoá luận này.

Hải Phòng, ngày 4 tháng 11 năm 2019

Sinh viên

Trần Thị Mai Linh